

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



BÀI DỤ THI

**TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI NĂM 2016**

THÔNG TIN NGƯỜI DỤ THI:

Họ và tên : **Trần Thị Huỳnh Hương** Giới tính. Nữ
Ngày sinh : Ngày 08 tháng 12 năm 1978
Quê quán : Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không
Thường trú tại : C18 Tổ 8C Ấp Đồng Nai, xã Hóa An TP. Biên Hòa
Số điện thoại : 0918745236 Email: hoangkhangnhi@yahoo.com
Hiện công tác tại: TP. Kế hoạch - Tài chính, Sở KH&CN Đồng Nai
Địa chỉ công tác : Số 1597, Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : 0613822297 (3636) Fax: 0613 285585

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2016 là năm có ý nghĩa chính trị quan trọng của đất nước, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 diễn ra vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt không chỉ mang tầm của một sự kiện chính trị quan trọng bậc nhất của đất nước mà ngày bầu cử (22/5/2016) vừa qua còn là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý, dân chủ sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đây cũng là cơ hội để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua việc lựa chọn, bầu ra những người tiêu biểu, có đức, có tài, xứng đáng đại diện cho nhân dân tại Quốc hội và HĐND các cấp.

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá - lịch sử Đồng Nai năm 2016 với mục đích nhằm chào mừng thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 và tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hiểu rõ hơn về những giá trị văn hóa - lịch sử của những nhân vật, sự kiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử và văn hóa của quê hương, đất nước; nâng cao hơn nữa niềm tin và lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ; cổ vũ quyết tâm chính trị của toàn thể đội ngũ cán bộ, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ quê hương, đất nước.

Với tư cách là thí sinh tham gia hội thi, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới Ban Tổ chức hội thi Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá – lịch sử Đồng Nai đã tạo nên một sân chơi lành mạnh và có ý nghĩa, Ban Lãnh đạo Sở đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hình thành những ý tưởng, nắm và hiểu rõ nội dung của bài viết, cảm ơn

các đồng nghiệp và bạn bè đã có sự phối hợp, trao đổi, giúp đỡ tôi hoàn bài cảm nhận này.

Chúc cho Hội thi thành công tốt đẹp và đạt nhiều kết quả cao.

Trân trọng ./.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2016

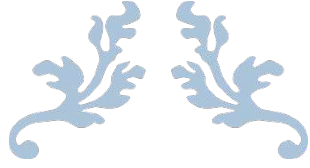
Tác Giả

Trần Thị Huỳnh Hương

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	Trình bày câu hỏi số 01	01
1	Lý do chọn nhân vật:	01
2	Tóm tắt tiểu sử thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872):	03
3	Những cảm nhận sâu sắc của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa: .	13
4	Tri ân của thế hệ sau đối với nhà thơ yêu nước Bùi Hữu Nghĩa:.....	21
5	Cảm nhận của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:	24
5.1	<i>Cảm nhận sâu sắc của tác giả đối với nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:....</i>	24
5.2	<i>Học tập và noi theo tấm gương danh nhân văn hóa Bùi Hữu Nghĩa:</i>	26
5.3	<i>Đóng góp ý kiến đối với các ngành các cấp:</i>	27
5.3.1	<i>Chương trình giáo dục trong nhà trường:</i>	27
5.3.2	<i>Công tác bảo tồn, trưng bày hiện vật văn hóa lịch sử:</i>	28
5.3.3	<i>Kết hợp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá cho phát triển du lịch tỉnh nhà:</i>	29
5.3.4	<i>Thiết lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc của tỉnh Đồng Nai:.....</i>	30
5.3.5	<i>Tổ chức in ấn và phát hành các ấn phẩm về danh nhân của địa phương:.....</i>	31
	<i>Tài liệu tham khảo:.....</i>	32
	Trình bày câu hỏi số 02	
1	Lý do chọn nhân vật:	32
2	Nhà văn Lý Văn Sâm - cuộc đời và sự nghiệp văn chương:.....	33
2.1	<i>Thời niên thiếu:</i>	33
2.2	<i>Thời kỳ trưởng thành, tham gia cách mạng và sáng tác:.....</i>	38
2.3	<i>Thời kỳ thực hiện trọng trách với vai trò đại biểu Quốc hội khoá VI nước CHXHCN Việt Nam (1976-1981):</i>	43
2.4	<i>Thời kỳ đất nước hòa bình, thống nhất và những năm cuối đời:</i>	45
2.5	<i>Sự nghiệp văn chương của Nhà văn Lý Văn Sâm qua sự đón nhận của công chúng:</i>	47
2.6	<i>Hình ảnh số tác phẩm chính tiêu biểu của nhà văn Lý Văn Sâm: ...</i>	54

3	Cảm nhận và ý nghĩa nhận thức của tác giả đối với nhân vật:	57
3.1	Cảm nhận của tác giả đối với nhà văn Lý Văn Sâm:	57
3.2	Ý nghĩa nhận thức của tác giả:.....	60
	Tài liệu tham khảo:.....	62
	Phụ lục:.....	63



CÂU HỎI SỐ 01

Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo ?



TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 01:

1. Lý do chọn nhân vật:

Tôi sinh ra và lớn lên tại xã Ấp Tân Hóa - xã Hóa An, đây là nơi thuộc vùng ngoại ô thành phố Biên Hòa và trong mỗi con người ai cũng có kỷ niệm về tuổi thơ mình đã trải qua, khi tôi còn là học sinh cấp 2, sau giờ học chính thức ở trường, tôi có những buổi học thêm cùng bạn bè tại nhà cô giáo dạy môn Toán và môn Văn tại địa bàn xã Tân Hạnh. Con đường quen thuộc hằng ngày tôi đi nói quốc lộ 1A đi qua các phường Tân Vạn, xã Bửu Hòa, xã Hóa An và xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) gắn liền với tên tuổi của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.



Ảnh: Trường Mầm non Thế giới Ánh Dương
(Đường Bùi Hữu Nghĩa - TP. Biên Hòa)

Nhưng thời điểm ấy tôi chưa ý thức và cảm nhận gì nhiều về nhân vật này.

Hai mươi năm sau cũng trên con đường quen thuộc này tôi tiếp tục đưa con gái của mình đến trường hằng ngày đó là Trường mầm non Thế giới Ánh Dương địa chỉ số 1554, Đường Bùi Hữu Nghĩa, Xã Tân Hạnh, Thành phố Biên Hòa. Mỗi ngày đưa con đến trường câu chuyện thính thoảng tôi thường nói cho con gái của mình “ *Con có biết tên con đường mình đang đi là gì không, mẹ nói con nghe và*

con nhớ khi ai hỏi con biết mà trả lời” hay “ Tên con đường mình đang đi là tên một nhà thơ, một người ông học rất giỏi và yêu quê hương mình ông tên là Bùi Hữu Nghĩa”. Cũng câu chuyện mẹ con cùng nói với nhau và con tôi chợt hỏi “Vậy mẹ ơi, có trường nào tên là Bùi Hữu Nghĩa không vậy, con muốn sau này con lớn mẹ cho con đi học ở ngôi trường có tên ông để con cũng học giỏi như ông”.



Ảnh: Trường phổ thông trung học Bùi Hữu Nghĩa

Từ câu hỏi ngô nghê của con trẻ, để có thông tin và kể thật nhiều cho con nghe về nhân vật mà nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai quyết định lấy tên ông để đặt tên cho con đường mà hằng ngày mẹ con tôi thường đi qua đó là thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa một tấm gương hiếu học, có đức tính thanh liêm, chính trực, khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bất công...một người con sinh ra ở một làng quê nghèo xa xôi vùng sông nước thế mà phải đi học xa rồi đỗ đạt, làm quan, thật đáng quý trọng biết dường nào.

2. Tóm tắt tiểu sử thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872):

Ông Bùi Hữu Nghĩa, trước có tên là Bùi Quang Nghĩa, hiệu Nghi Chi. Ông sinh năm Đinh Mão (1807) tại làng Long Tuyền, tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Ông xuất thân từ một gia đình lao động lam lũ. Cha ông là ông Bùi Hữu Vị, làm nghề chài lưới. Tuy gia đình không được giàu có, nhưng song thân quyết tâm tạo điều kiện cho ông ăn học. Thấy ông có bản tính thông minh lại hiếu học, nên



Ảnh: Tượng Bùi Hữu Nghĩa tại Bảo tàng TP. Cần Thơ

mới trình bày gia cảnh với ông xã trưởng Ngô Khắc Giản, để nhờ giúp đỡ. Ông Bùi Hữu Nghĩa được ông Giản đồng ý đỡ đầu, giới thiệu ông lên Biên Hòa để thọ giáo với thầy đồ Hoàn, tức Ông Nguyễn Phạm Hàm (một cộng sự viên của thủ lãnh Lê Văn Khôi, con của Tả Quân Lê Văn Duyệt).

Trong thời gian học tại Biên Hòa, Ông ở trọ nhà ông Nguyễn Văn Lý, làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa).

Nhờ đức tính khiêm tốn, biết kính trọng và giúp đỡ người lớn, ông Bùi Hữu Nghĩa được gia đình Ông Lý thương mến giúp đỡ. Ông có nơi ăn học và được



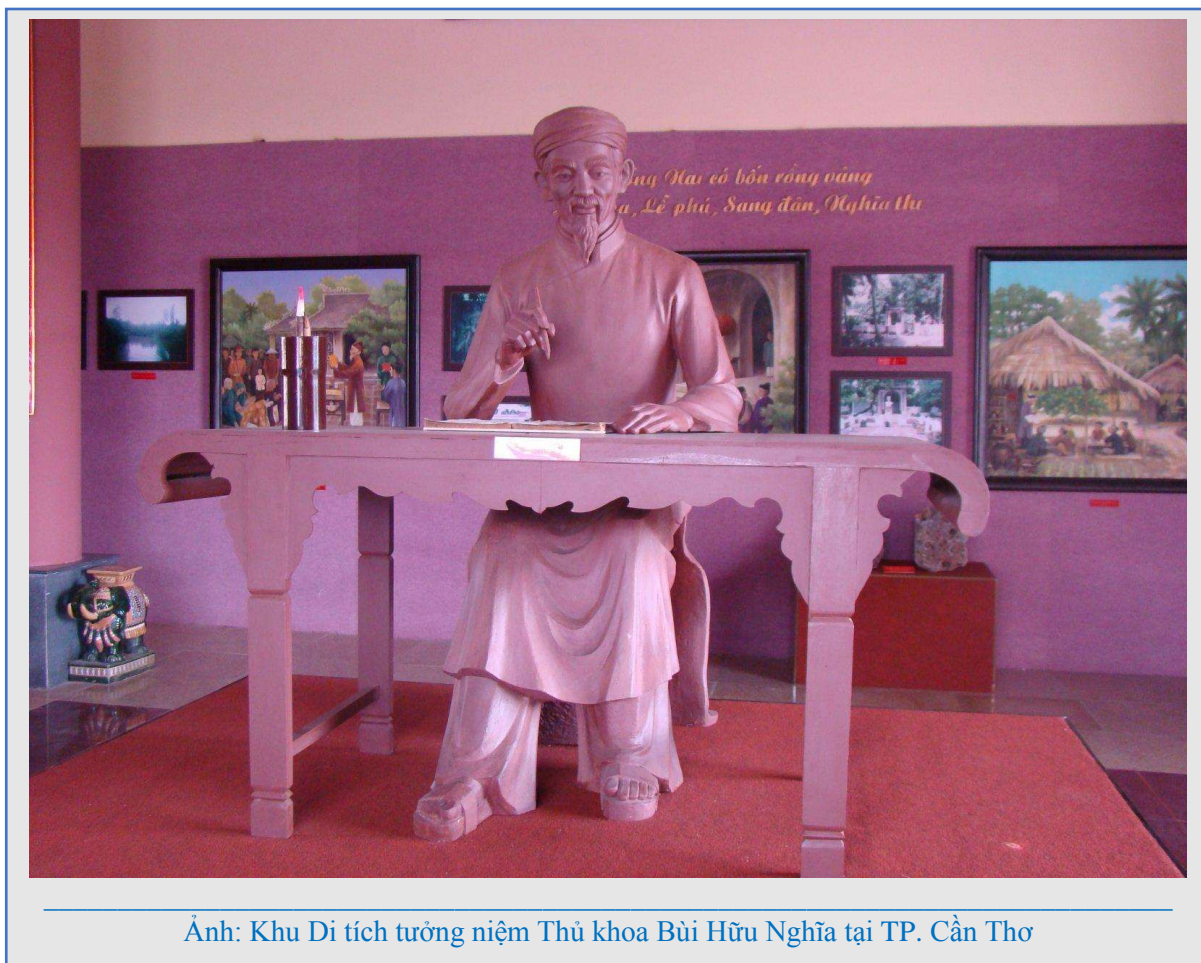
Ảnh: Bên trong căn nhà xưa của bà Nguyễn Thị Tồn tại KP 4, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa

thầy dạy tận tình, nên việc học hành của Ông rất tiến bộ, vượt bậc hơn các bạn đồng môn. Tháng 02 năm Ất Vị (1835), Bùi Hữu Nghĩa tham dự khoa thi Hương tại Trường thi Gia Định và đã đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu/thủ khoa). Khi đó ông Lý tỏ ý gả con là Nguyễn Thị Tồn cho, nhưng ông xin khất lại chờ thừa qua cha mẹ.

Từ đây, danh tiếng của Ông vang lừng khắp lục tỉnh. Trong dân gian, thường gọi là Ông Thủ Khoa Nghĩa cho gọn, thay vì gọi Ông Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa đất Long Tuyền (Thành phố Cần Thơ).

Mới 28 tuổi, nhưng danh tiếng của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đất Long Tuyền đã vang lừng khắp lục tỉnh. Một năm sau (năm Bính Thân 1836), Ông đi

dự thi Hội ở Huế, nhưng không may thi rớt. tuy vậy, Ông vẫn được vua Minh Mạng ưu ái cho lưu lại Triều đình Huế làm tập sự tại Bộ Lễ Một thời gian rồi được cử đi sứ sang Trung Quốc.



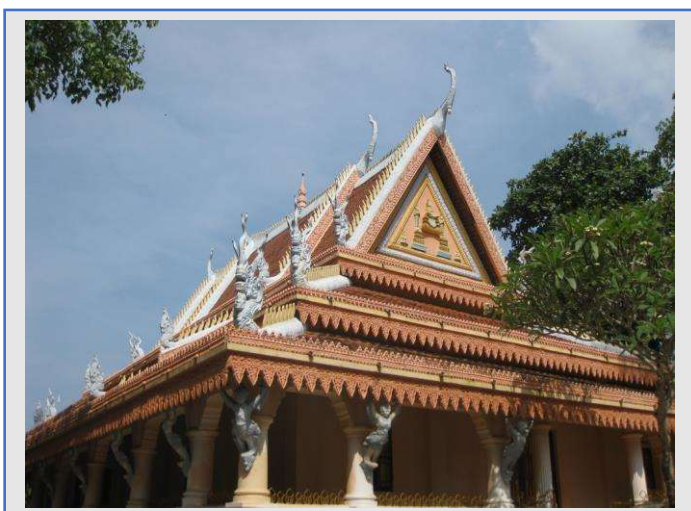
Khi trở về nước, Ông Bùi Hữu Nghĩa được bổ nhiệm làm Tri huyện Phước Chánh, thuộc phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Thời gian này, Ông kết hôn cùng cô Nguyễn Thị Tồn, con gái cụ Nguyễn Văn Lý.

Tuy làm quan lớn, nhưng Ông Bùi Hữu Nghĩa luôn giữ mình thanh liêm, chính trực. Nhiều lần xử kiện, Ông luôn giữ thái độ công chính liêm minh, bênh vực quyền lợi chính đáng của người nghèo, Ông đã mắng kẻ hối lộ, nghiêm trị kẻ gian. Lối xử ấy của Ông đã làm hạ uy tín bọn tham quan ô lại, không được lòng

các quan trên. Chính vì thế Ông bị đày xuống làm Tri Huyện Trà Vang (nay là Trà Vinh).

Thuở ấy phủ Trà Vang (nay là Trà Vinh) thuộc tỉnh Vĩnh Long, dưới quyền cai quản của Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyen. Là một kẻ sĩ tự vượt khó lập thân, ông tỏ ra “dị ứng” với đám quan lại dốt nát, tha hóa nhưng leo cao nhờ thân thế, nhờ luồn cúi. Tệ hơn nữa là bọn họ chỉ lo gây bè kết phái, cấu kết nhau bày vẽ hòng sách nhiễu dân lành vốn đã thừa khốn khó trong buổi loạn ly...

Một lần do tánh cương trực, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã cho lính đánh đòn một cậu công tử xác xược với Ông, trong khi đó cậu công tử đó vốn là em vợ Bố chánh Truyen và Ông đã chuốc lấy mối hiềm thù...



Ảnh: Biểu tượng chùa Khơ Me tại TP. Trà Vinh

Nhắc lại chuyện cũ, đầu thế kỷ 19 - Trà Vang là một địa bàn cộng cư của cả người Kinh, người Hoa nhưng đông nhất là người Khơ-me. Những lúc bôn tẩu vì quân Tây Sơn rượt đuổi, Nguyễn Ánh được những người gốc Khơ-me ở đây giúp đỡ lương thực; lại có một số dân vào lính

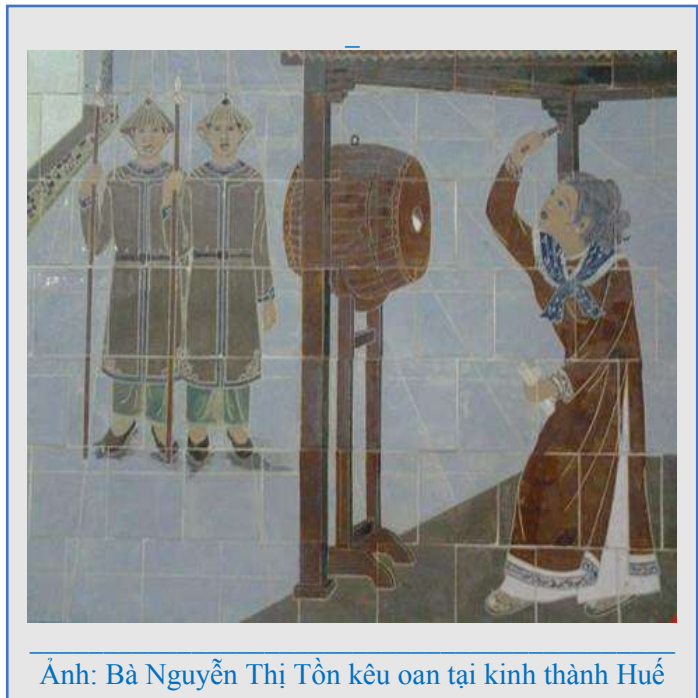
lập được công lao, nên khi lên ngôi thì vua Gia Long (Nguyễn Ánh) nhớ ơn, xuống chiếu miễn thuế khai thác thủy sản cho vùng này.

Vậy mà, vào năm 1848 có một số người gốc Hoa đã lót tay bằng “phong bì” với những quan trên ở Vĩnh Long như Tổng đốc Uyên và Bố chánh Truyen để “mua thầu” độc quyền khai thác cá tôm ở rạch Láng Thè, đẩy người dân Khơ-me vốn nghèo thêm lâm vào cảnh trắng tay.

Lẽ ra đây chỉ là một vụ việc nhỏ, có thể giải quyết một cách ôn hòa, nhưng do cái tâm luôn hướng về dân nghèo và quá bất bình trước việc làm khuất lấp, thỏa thuận ngầm của các quan trên, nên khi các hương mục Khơ-me kéo đến khiếu kiện ở dinh môn, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã có bút phê vào đơn một câu gây hậu quả hết sức nghiêm trọng: “Việc tha thuế thủy lợi là ơn huệ của vua Thế Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà dám đứng bán rạch ấy, thì có chém đầu nó cũng không sao!”.

Dân nghèo gốc Khơ-me từ lâu bị dày xéo như giun dế, nghe lời phán xử, bèn hè nhau đến phá đập của những người gốc Hoa và hai bên xảy ra một cuộc xô xát đẫm máu làm thiệt mạng 8 người gốc Hoa.

Thế là, bọn quan tỉnh đã sẵn mối hiềm khích từ trước nên nhân cơ hội này cho bắt một số người có liên quan và bắt luôn Ông Bùi Hữu Nghĩa tạm giam ở Vĩnh Long rồi giải về Gia Định, đệ sớ lên triều đình tố cáo Ông đã kích động dân Khơ-me làm loạn, lạm phép giết người. Triều đình truyền án tử hình Ông Bùi Hữu Nghĩa theo sớ trình của các quan đầu tỉnh, không xem xét thẩm tra truy cứu.

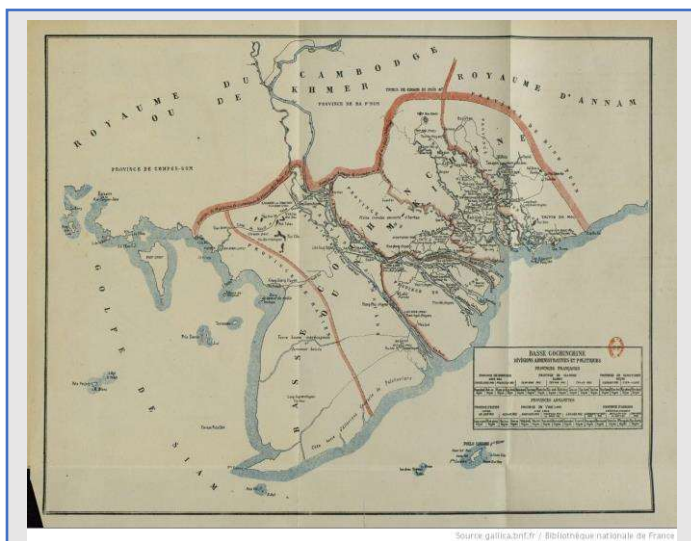


Và khi hay tin triều đình kết tội chết cho chồng, bà Nguyễn Thị Tồn, vợ ông nhờ người em bạn dì là Quản Kiệm tìm cách tạm lùì ngày thi hành chiếu chỉ để bà có đủ thời giờ quá giang ghe bầu từ Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang)

vượt vô vàng hiểm nguy, sóng gió ra tận kinh đô Huế đánh trống, đội đơn kêu oan.

Bấy giờ, Phan Thanh Giản đang làm Thượng thư bộ Lại ở triều đình. Bà Thủ khoa tìm đến tư dinh cụ Phan trình bày sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh Long, rồi nghe theo lời khuyên, bà đến Tam pháp ty giống trống “kích cổ đăng vãn” kêu oan cho chồng, nêu cao một tấm gương “Liệt phụ khả gia” như lời ban tặng của bà Từ Dụ thái hậu.

Được Thượng thư Bộ lại Phan Thanh Giản tận tình giúp đỡ, nhà vua sau khi cho thăm tra xem xét, đã tha tội chết cho Bùi Hữu Nghĩa. Nhưng buộc Ông phải ra trận lập công chuộc tội bằng cách đi trấn nhậm tại đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc với chức danh "Thủ Ngự". Vậy là sau gần mười năm làm quan, Ông vì đảm quan lại tha hóa ám hại nên gần như mất sạch.



Ảnh: Đồn Vĩnh Thông thuộc tỉnh An Giang trong bản đồ Nam Kỳ Lục tỉnh 1861

Ở đây, Ông có nhiệm vụ dẹp yên những cuộc "nổi loạn" của người Miên. Đồn Vĩnh Thông thuộc huyện Hà Âm, Tịnh Biên (An Giang ngày nay) là một địa danh rất hiểm trở, Ông và quân lính phải chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn gian khổ. Nhưng ông đã lập nhiều chiến công và được thăng chức phó Quản Cơ.

Chuyện kể, sau khi cứu được chồng, bà Thủ khoa từ kinh đô về đến quê hương của bà ở Biên Hòa, vì hao tổn nhiều tâm lực, khác phong thổ nên bà lâm bệnh nặng rồi mất và được an táng tại nhà cha mẹ ruột. Lúc bấy giờ Thủ khoa Nghĩa đang ở biên ải xa xôi nên khi đến nơi thì việc tống táng đã xong, ông đành

làm bài văn tế muôn, một cặp câu đối (một Hán, một Nôm) với những lời lẽ hết sức chân thật, thống thiết.

Trước cái mất mát nơi chôn quan trường, Ông Bùi Hữu Nghĩa không một lời than vãn, thì trước sự ra đi vĩnh viễn của người vợ hiền dám ra tận kinh đô kêu oan cho chồng, đã khiến ông đau đớn tột cùng.



Ảnh: Ngôi mộ gió của bà Nguyễn Thị Tồn tại quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

Tai ương liên tiếp đến với Ông Bùi Hữu Nghĩa, thật phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí. Đứa con gái đầu lòng là Bùi Thị Xiêm mất tại Phước Long lúc mới ba tuổi, đứa con trai thứ hai là Bùi Hữu Vàng cũng không nuôi được. Lúc Ông lâm nạn ở Láng Thè thì đứa con thứ ba là Bùi Hữu Tú mới chín tuổi, bà Tồn phải gửi người thân là ông Quán Kiệm trông nom để bà ra Huế kêu oan cho chồng.

Trong một lần bị tấn công bất ngờ, ông bị bắt đưa về Campuchia giam tại U Đông (Ou Dong). Nhiều người Khơ-me ở Láng Thè (Trà Vinh) hay tin đã đến kể hết đầu đuôi vụ án Láng Thè ngày nào và họ còn tha thiết xin thế mạng. Vua Campuchia lúc đó là An Đương có cảm tình với ông nên đã tha chết và cho người đưa ông về xứ. Khi về nước, Bùi Hữu Nghĩa ghé thăm quê nhà sau ba năm xa cách. Bà Nguyễn Thị Tồn đã qua đời cũng đã tròn ba năm. Đau thương đến với Bùi Hữu Nghĩa thật là vô hạn. Nhưng ông phải nén đau thương để tiếp tục phận sự nơi biên ải xa xôi.

Những ngày còn lại ở biên giới, ông tục huyền với bà Lưu Thị Hoán (Lưu Thị Chỉ) con gái ông xã trưởng Lưu Văn Dụ.

Vì mang nặng nỗi buồn gia đình, ngao ngán cảnh quan trường đầy tham nhũng bất công, sau khi về Đồn Vĩnh Thông một thời gian, Bùi Hữu Nghĩa đã gởi sớ lên triều đình xin từ chức. Sau đó, ông cùng vợ về quê ở Bình Thủy, mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, lấy biệt hiệu là "Liễu Lâm chủ nhân".

Trước cảnh đất nước lâm nguy, những người tri thức yêu nước như cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không thể khoanh tay ngồi nhìn giang sơn sa vào tay giặc Pháp, nhân dân khổ cực lầm than. Ngoài việc dạy học, chữa bệnh cứu dân lành, Bùi Hữu Nghĩa đã cùng Phan Văn Trị tham gia nhóm "Tao Đàn Bà Đồ", tham gia phong trào Văn thân chống Pháp. Tuổi cao sức yếu, không còn xông pha chiến trận, nên ông đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chống quân xâm lược và bộn tay sai bán nước, cổ vũ phong trào yêu nước của nhân dân ta.



Ảnh: Chân dung sỹ phu yêu nước Bùi Hữu Nghĩa

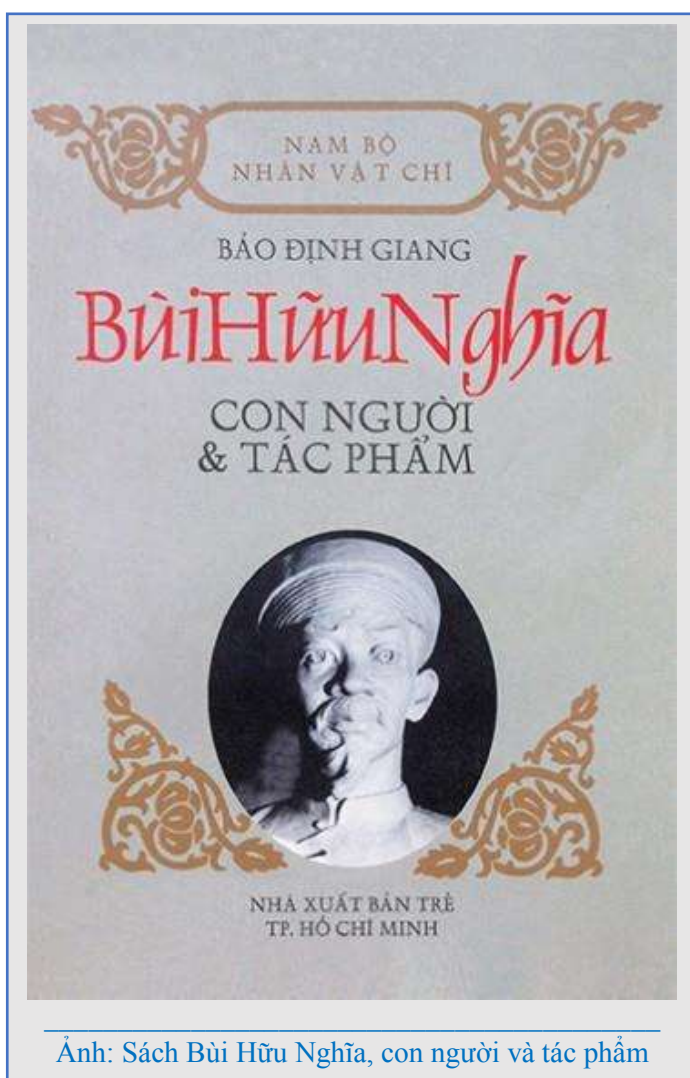
Biết Bùi Hữu Nghĩa là một sĩ phu yêu nước, đang cổ vũ nghĩa sĩ đứng lên giúp nước, trừ gian, do đó thực dân Pháp đã dùng mọi cách dụ dỗ mua chuộc ông. Nhưng Bùi Hữu Nghĩa tỏ rõ lòng yêu nước, bất khuất của người chí sĩ. Vì vậy, năm 1868 Ông bị giặc Pháp bắt ở Vĩnh Long. Sau đó chúng giải Ông về Gia Định, cho tay sai là Đỗ Hữu Phương bảo lãnh về nhà riêng tiếp đãi tử tế hòng mua chuộc

Ông. Nhưng cuối cùng bọn chúng vẫn không khai thác được gì; ngược lại, Ông còn nói thẳng với Đỗ Hữu Phương: "Đầu tôi không sợ rơi, mà chỉ sợ phải đội

chung trời với những kẻ đang thiêu đốt giang sơn này". Vì sợ dư luận lên án nên Đỗ Hữu Phương đã thông đồng với giặc Pháp để thả Ông về.

Trong mười năm về ở ẩn, Ông Bùi Hữu Nghĩa vẫn canh cánh bên lòng nỗi đau của người dân mất nước, non sông chìm trong máu lửa, Ông vẫn nuôi hy vọng ở lớp trẻ sau này sẽ gánh vác việc non sông. Vì thế Ông đã dành hết thời gian, tâm huyết của một nhà giáo đào tạo lớp học trò và khuyên họ nên học những điều tốt để trở thành người hữu ích cho dân, cho nước.

Cũng trong thời gian về ở ẩn, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã sáng tác nhiều thơ văn nói về thời cuộc. Thơ văn của Ông Bùi Hữu Nghĩa chính là tiếng nói của tâm lòng Ông, của nhân dân trong hoàn cảnh đau thương của đất nước bằng những lời lẽ giản dị, chân thật và sâu sắc. Về tuồng, Ông đã thành công và nổi tiếng với vở "Kim thạch kỳ duyên". Về thơ, có rất nhiều bài, nội dung chủ yếu vẫn thể hiện lòng yêu nước, thương dân, đúng như cuộc đời và tâm lòng Ông TRUNG - NGHĨA vậy.



Ảnh: Sách Bùi Hữu Nghĩa, con người và tác phẩm

Tuy không còn đủ sức chống chọi với cuộc đời, nhưng Ông vẫn theo dõi thời cuộc, những bước đi của dân tộc. Khi nghe tin cuộc nổi dậy của

nghĩa quân chống Pháp thất bại; vua quan nhà Nguyễn đầu hàng giặc, Ông Bùi Hữu Nghĩa không chịu đựng nổi sự đau khổ, đã qua đời vào ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân - 1872, hưởng thọ 65 tuổi.



Ảnh: Đền thờ và mộ Bùi Hữu Nghĩa sau lần trùng tu năm 1987

Ngưỡng mộ công đức của Bùi Hữu Nghĩa, nhân dân trong vùng đã lập thân chủ, bài vị tôn thờ vợ chồng ông ở đình Bình Thủy và chùa Nam Nhã. Hàng năm vào ngày 21 tháng giêng đều tổ chức lễ giỗ ông. Nhân dân ở xã Nhị Long (Càng Long, Trà Vinh) cũng đã lập đình Long Thạnh để thờ phụng Bùi Hữu Nghĩa.

3. Những cảm nhận sâu sắc của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Đó là sơ lược nội dung tìm hiểu của tôi về lịch sử của nhân vật Bùi Hữu Nghĩa qua tham khảo sách báo, các trang thông tin điện tử và không dừng lại ở đó, bản thân tôi cảm nhận sâu sắc về con người ông: Tinh thần yêu nước, đức tính thanh liêm chính trực, nặng nghĩa ân tình thể hiện qua cách làm việc, xử án và trong sáng tác văn thơ mà ông để lại:

Trong bối cảnh xã hội phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ 19, nhân dân ngày càng cùng cực dưới sự bóc lột của quan lại, cường hào địa chủ; các quan lại chỉ giỏi nghi kỵ, thâm tóm, đàn áp... nhưng lại tỏ ra hèn nhát, bất lực, không đoàn kết được dân tộc trước



Ảnh: Tượng Bùi Hữu Nghĩa tại khu trưng bày Cần Thơ

Trước hết đó là tinh thần yêu nước của Ông thể hiện xuyên suốt qua nhiều tác phẩm thơ ca, càng về sau thì tinh thần yêu nước chống giặc Pháp xâm lược và bọn quan lại hèn nhát “thủ hòa” càng mãnh liệt, tạo nên các đợt sóng ngầm vực dậy tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm trong nhân dân ta. Điển hình là tác phẩm “Ai xui Tây đến”:

*Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?
Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba
Hắn hỏi ít mặt đèn nợ nước
Nháo nhác nhiều tay bận nổi nhà.
Đá sắt ôm lòng cam với trẻ
Nước non có mắt thấy cho già
Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa
Báo quốc cần vương dễ một ta?*

(Đăng trên Mítsolavê của Pétrutký - Sài Gòn 1889)

Bài thơ đã được dịch ra tiếng Pháp làm cho kẻ thù ăn không ngon ngủ không yên một thời. *Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?* là một câu hỏi tu từ không cần trả lời mà người đọc vẫn tìm ra kẻ *công rắn cắn gà nhà*, *rước voi dầy má tổ* chính là Nguyễn Ánh và triều đình nhà Nguyễn tham sống sợ chết. Phái chủ hòa chiếm số đông trong triều do Tôn Thọ Tường cầm đầu, cùng với vua Tự Đức luôn luôn sợ sức mạnh của giặc ngoại xâm đang từng bước xâm chiếm đất nước .

Ông cũng đã thấy và nêu rõ vận mệnh của cả dân tộc đang chơ vơ bên bờ vực:

*“Non nước hãy còn đương bấy bá,
Đất trời sao nữ khiến lay vay”*

(Ngọa bịnh ngâm thơ)

Là một người làm quan trong xã hội phong kiến, nhưng Ông thể hiện sự chính trực thanh liêm, đã không vì vinh lợi mà xu nịnh, a dua theo đám tham quan nhà Nguyễn bóc lột trên xương máu dân nghèo, Ông đã sớm nhận ra số lớn quan lại chỉ là “lục lục thường tài cũng một mồi”; chúng luôn chực chờ thâu tóm lợi riêng, không mấy ai đáng mặt là rường cột của nước nhà:

*“Đành cột không nên rường chẳng hạp,
Phải con nước lụt dấn thân bừa”*

(Tác phẩm Cây dừa)

Hoặc:

*“Rường soi cột trở chưa nên mặt,
Cao lớn làm chi bản hời bản!”*

(Tác phẩm Cây bản)

Thể hiện sự thương dân hiền và phận nước trong bối cảnh xã hội phong kiến suy tàn, cảm thán phận quan thanh liêm chính trực. Tính cương trực, thanh liêm của Ông đã không được chế độ phong kiến suy tàn thừa nhận, mà bị bung bít bởi nhiều lớp rào của những đầu óc hủ lậu, tham ô quan lại, cường hào ác bá giang mắc mọi nơi dày đặc, đến nỗi những trí thức lớn, có tên tuổi và vị trí quan trọng trong xã hội, được nhân dân yêu mến như Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, cũng đành bất lực.

*“Mịt mịt mây đen kéo tối sầm
Đau lòng thuở nợ chôn Hà Âm
Đống xương vô định sưng phau trắng
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy,*

Đèn trời leo lét dậm u lâm

Nghĩ thương con tạo sao dòi dòi

Dắng dỏi(vang động) đêm trường tiếng dế ngâm”.

(Qua Hà Âm cảm tác)

Thương nước, yêu dân, sống có tình, có nghĩa, coi trọng đạo đức và nhân phẩm, cho dù bị giá họa, bị đẩy vào ngõ cụt trong vụ án Láng Thè, toàn bộ sự nghiệp của Ông đã tan tác, nhưng Ông vẫn an nhiên với một tấm lòng “ uy vũ bất năng khuất”. Ông là một viên quan cương trực, thương dân nghèo, bênh vực người hiền lành nên bị bọn quan lại biến chất trù dập. Là một nhà thơ yêu nước, ông đã dùng ngòi bút của mình mượn đề tài vịnh vật, vịnh sử để phê phán bọn bán nước, bọn xôi thịt và gửi gắm nỗi lòng mình.

“Nhượng chãng là nhượng kẻ cày voi

Lục tục thường tài cũng một môi,

Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt,

Âm thầm vì trống lạp hơi còi,

Kìa câu ích kỷ kinh còn tạc

Nọ kẻ khi nhân thánh hỡi coi.

Lấn thân hết suy rồi đến thối

Ngày qua, tháng lại bước đường thối”.

(Bị giam ở Vĩnh Long)

Và cả ngay khi nằm trên giường bệnh, Ông cũng luôn trần trở với mệnh nước sa vào tay giặc ngoại xâm:

Ngàn vàng khôn dẽ sánh mình này

*Sanh có ngày âu thác có ngày
Non nước hãy còn đang bấy bá
Đất trời sao nữa khiến lay vay...*

(Ngâm thơ trên giường bệnh)

Hoặc là bản khoản về tuổi cao sức yếu trước vận mệnh đất nước nguy nan:

*“Chợt tới gương soi thấy râu thêm bạc
Dạo xem vườn hoa, mặt thấy ánh vẽ hồng
Mong được non sông nguyên vẹn cũ
Giữa đất trời say khướt một thi ông”*

Và rồi Ông tin tưởng mãnh liệt đến ngày đất nước thoát khỏi tay giặc ngoại lang xâm chiếm:

*“Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây
Đâu để giang sơn đến nỗi này?”*

(Tác phẩm Thời cuộc)

Tên tuổi của ông Bùi Hữu Nghĩa tồn tại song song với danh phận của người phụ nữ bà Nguyễn Thị Tồn. Bà xứng đáng là người con của xứ hào khí Đồng Nai. Trong sự kiện ở rạch Láng Thè, bọn quan trên ghép tội ông Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt giam rồi giải ông về Gia Định chờ xử tử. Bà Tồn thấy chồng bị oan ức liền từ Trà Vang lên Mỹ Tho rồi quá giang ghe bầu ra Huế để kêu oan cho chồng. Tại kinh thành Huế, bà gặp được Thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản để bày tỏ nỗi oan của chồng và được giúp đỡ. Vị minh quan viết tờ trạng và chỉ vẽ cho bà cách trình tấu nơi công đường.

Canh năm, bà Nguyễn Thị Tồn tới Tam pháp ty mạnh dạn đánh ba hồi trống làm kinh động nơi Tam cung lục viện. Vua Tự Đức cho đòi người đánh trống vào châu. Đứng trước mặt vua và quan triều đình, bà biện bạch nỗi oan khiên của chồng đang gánh chịu. Vua Tự Đức nghe xong, giao cho Bộ Hình xem xét. Sau khi thẩm định minh bạch, nhà vua chung thẩm bản án: “tha cho ông Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình nhưng phải quân tiền hiệu lực, đoái công chuộc tội”.

Sau đó, bà Nguyễn Thị Tồn được vua Tự Đức ban Vông điều có bốn lạng, nơi đầu vông có gông nhỏ sơn son, ngầm ý khen bà là người trung trinh, gan dạ song cũng thảm trách bà đã làm kinh động đế đô. Hoàng thái hậu Từ Dũ nghe tin, cho bà vào gặp mặt. Cảm kích trước một người phụ nữ dân dã từ xứ Đồng Nai không từ nan vạn dặm lặn lội đến chốn kinh thành minh oan cho chồng, Thái hậu đã ban tặng bà Tồn tám biển chạm 4 chữ vàng **Tiết phụ khả gia**. Sau đó bà mất tại quê hương mình là thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không những là người chiến sĩ hết lòng vì dân vì nước, mà còn là một người chồng rất mực thủy chung, người cha thương yêu con vô hạn. Ông đã thể hiện tình cảm yêu thương của mình dành cho người vợ quá cố qua một số tác phẩm điển hình:



Ảnh: Cặp đối chữ Hán dành cho vợ bên bàn thờ Bùi Hữu Nghĩa trong đình Bình Thủy - Cần Thơ

Cặp đối chữ Hán:

*“Ngã bần, khanh năng trợ; ngã oan khanh năng minh, triều dã
giai xưng khanh thị phụ*

*Khanh bệnh, ngã bất dược; khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng
tiểu ngã phi phụ”.*

Dịch:

*Ta nghèo, mình hay giúp đỡ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều
ngoài quận đều khen mình mới thật là vợ*

*Mình bệnh, ta không thuốc thang; mình chết, ta không chôn cất;
non sông cười ta chẳng xứng gọi là chồng.*

Cặp đối chữ Nôm :

“Đất chẳng phải chồng, bao nữ thịt xương gởi đó,

Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng”

Bài văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa chẳng những nói rõ được khúc nôi của mình mà còn làm sáng danh một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội, được người đời ca tụng.

Trích văn tế khóc vợ :

*“Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giếng mối, khi
túng thiếu manh quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ*

*Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thềm
miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà tỏ thê”.*

Hay:

*“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen
mình đáng vợ. Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng,
non sông cười phận tớ làm chồng”*

Và một bài thơ:

*“Đã chồng ba năm mới đặng thăm,
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm
Gió đưa, đâu thấy hình dương liễu,
Đêm vắng, ai hoài tiếng sắc cầm.
Chồng nhớ vợ, lòng tơ bối rối,
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm .
Có linh chín suối đừng xao lãng,
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm ”...*

Đề mô nhà vợ

Hay trích đoạn văn tế khóc vợ:

*“ Con chín tuổi thơ ngây, một bóng em bao đành nhắm mắt tâm
tiên .Chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỗi sắp lưng cỡi
hạc ... Đêm khuya hãy nâng niu một trẻ, nghĩ từ con ruột tơ kim
châm .Ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từng chặng gan đường
muối xót”.*”

Ngược theo dòng sử sách, tìm hiểu về thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được mệnh danh là anh hùng tứ kiệt hay một trong bốn Rồng vàng của Nam Bộ, có lẽ không ai không khỏi xúc động về một nhân tài tài đức nhưng cuộc đời đầy nổi chuan chuyên. Đến nay, đã hơn một thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vàng hào quang chói lọi đối với các thế hệ noi theo. Cuộc đời của Ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước,

thương dân; về đức tính thanh liêm, chánh trực; về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền. Ông có những quan điểm tiến bộ vượt lên khuôn khổ nho giáo phong kiến đương thời về quần chúng nhân dân, dân tộc, phụ nữ... Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa là vũ khí đấu tranh chống bè lũ bán nước và thực dân xâm lược, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thể hiện lòng yêu nước thương dân tha thiết. Ông còn là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng cho các thế hệ noi theo.

Với đạo đức, tài năng và công lao như vậy, Ông Bùi Hữu Nghĩa xứng đáng là Nhà yêu nước thời cận đại, nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ 19, là một danh nhân văn hóa của đất nước, đúng như câu ca dao vẫn được truyền tụng trong nhân dân:

“Đồng Nai có bốn rông vàng.

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi”

Hay:

“Vĩnh Long có cặp rông vàng

Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thần”

Cho đến nay các ông *Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn* là những ai thì ít người biết và chưa xác định được quê quán, tài năng của họ ra sao. Còn “*Nghĩa thi*” chính hẳn là Ông Bùi Hữu Nghĩa - con *Rông vàng* của đất Đồng Nai - Vĩnh Long, là rông vàng trong lòng nhân dân Nam Bộ. Còn Phan Tuấn Thần là ông Phan Thanh Giản, là người đầu tiên đỗ Tiến sĩ ở Nam Bộ, có tài thơ và có học vị cao nhất cũng phải xếp sau ông Bùi Hữu Nghĩa. Qua hai câu ca dao trên khẳng định cho ta thấy danh hiệu *Rông vàng* mà nhân dân phong tặng cho Ông thật cao quý và xứng đáng.

4. Tri ân của thế hệ sau đối với nhà thơ yêu nước Bùi Hữu Nghĩa:

Tọa lạc tại phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy của thành phố Cần Thơ, Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được xem là một trong những công trình mang ý nghĩa lịch sử được xây dựng rất quy mô ở thành phố Cần Thơ, đã được công nhận là di tích lịch sử quốc gia vào năm 1994 và đến ngày 19 tháng 10 năm 2011 bằng di tích được cấp lại và đổi tên là Di tích quốc gia.



Ảnh: Khu Di tích tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Cần Thơ

Phần mộ của Ông được xây dựng năm 1872 bằng đá ong tại quận Bình Thủy - Thành phố Cần Thơ, từ năm 1872 đến nay đã được trùng tu bốn lần, bất chấp sự dòm ngó của kẻ thù trong thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1942, 1964, 1975, 1987). Cổng vào của khu tưởng niệm được xây dựng theo kiểu cổng tam quan mái cong, trạm trổ tinh tế, cổng chính nổi bật với 2 tầng mái màu xanh rêu. Bên trong khu tưởng niệm có khuôn viên vườn rộng thoáng mát, đầy cây

xanh, có nhà thờ, nhà trưng bày, nhà bia tưởng niệm, nhà khách và một số công trình phụ khác để phục vụ du khách xa gần đến tham quan kính viếng. Trong khu tưởng niệm còn có bài vị thờ vợ chồng ông Bùi Hữu Nghĩa. Đến thăm Khu tưởng niệm Bùi Hữu Nghĩa ở Cần Thơ, có dịp xem lại một hành trình dài mà ông đã đi qua, giúp tác giả cảm nhận và hiểu biết sâu sắc về ông hơn, thêm cảm phục một con người tài đức, nhân hậu và liêm khiết. Sự liêm khiết tài đức của ông đã làm ông phải tam phen tứ phen gặp nạn vì bị đố kỵ và ganh ghét, thế nhưng cũng chính tài đức đó trở thành món quà vô giá cho đời.



Ảnh: Mộ của Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Cần Thơ

Tại xã Nhị Long - Càng Long tỉnh Trà Vinh, nhân dân ở đây cũng đã lập Đình Long Thạnh để thờ phụng Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Rất nhiều địa phương đã lấy tên Ông để đặt tên cho các trường học, đường phố, tỏ lòng tri ân tấm gương TRUNG NGHĨA - một con rồng vàng của đất Nam bộ, như ở Thành phố Đà Nẵng (đặt tên đường), Thành phố Hồ Chí Minh (đặt tên đường), Thành phố Cần Thơ (đặt tên phường, đặt tên trường PTTH, đặt tên trường mầm non), Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang (đặt tên trường THCS).



Ảnh: Đường Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Biên Hoà

Riêng ở Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai, chính quyền và nhân dân đã lấy tên Ông để đặt tên cho con đường Tỉnh lộ 16 - đoạn từ cầu Tân Vạn đến ngã cầu Ông Tiếp, Đường Bùi Hữu Nghĩa (còn gọi là đường 760) nối quốc lộ 1A đi qua các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, xã Hóa An và

xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) được xem là con đường huyết mạch của thành phố Biên Hòa; đồng thời cũng đặt tên cho một ngôi trường trung học cơ sở tại Phường Hồ Nai. Đặc biệt, để tỏ lòng kính trọng tấm gương “Liệt phụ khả gia” của Bà Nguyễn Thị Tồn, chính quyền và nhân dân thành phố Biên Hòa cũng đặt tên Bà Nguyễn Thị Tồn làm tên một con đường tại phường Bửu Hòa (đường Nguyễn Thị Tồn bắt ngang đường Bùi Hữu Nghĩa).

5. Cảm nhận của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu, nghiên cứu tham khảo tài liệu, đi thực tế tham quan để có tư liệu viết bài dự thi này, tác giả đã có một số suy nghĩ và cảm nhận sâu sắc về nhân vật như sau:

5.1 Cảm nhận sâu sắc của tác giả đối với nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Về tấm gương hiếu học: Sinh ra trong một gia đình nghèo sống bằng nghề chài lưới nhưng Bùi Hữu Nghĩa được may mắn là được thân sinh cho đi học. Có tư chất thông minh và ham học bản tính hiền lành, nên ông không chỉ được cha mẹ mà cả bà con xóm làng đều thương yêu, quý mến và ông đã đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu/thủ khoa) năm 28 tuổi.

Ông có bản tánh thanh liêm, chánh trực lại thông minh và thương người. Tuy làm quan lớn, nhưng Bùi Hữu Nghĩa luôn giữ mình thanh liêm, chính trực. Nhiều lần xử kiện, ông luôn giữ thái độ công chính liêm minh, bênh vực quyền lợi chính đáng của người nghèo, ông đã mắng kẻ hối lộ, nghiêm trị kẻ gian thần, nên nhiều lần ông bị kẻ gian hãm hại.

Tình nghĩa vợ chồng: Câu chuyện huyền sử nghĩa vợ tình chồng, thủy chung son sắt của Bùi Hữu Nghĩa - Nguyễn Thị Tồn đã được đi vào văn học, nghệ thuật. Câu chuyện bà Trần Thị Tồn, vợ của danh sĩ Bùi Hữu Nghĩa, vượt gian lao để minh oan cho chồng. Cổ nhà văn - soạn giả Ngọc Linh



Ảnh: Bà Nguyễn Thị Tồn kêu oan tại kinh thành Huế

đã viết thành tuồng cải lương kinh điển "*Muôn dặm vì chồng*" đã lấy biết bao giọt nước mắt của khán giả mộ điệu cải lương vào những năm 1990. Nhân vật Nguyễn Thị Tồn trở thành một tấm gương điển hình cho đức tính trung hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Đã hơn một thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vầng hào quang chói lọi đối với các thế hệ noi theo. Cuộc đời của ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân; về đức tính thanh liêm, chánh trực; về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền. Ông có những quan điểm tiên bộ vượt lên khuôn khổ nho giáo phong kiến đương thời về quần chúng nhân dân, dân tộc, phụ nữ... Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa là vũ khí đấu tranh chống bè lũ bán nước và thực dân xâm lược, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thể hiện lòng yêu nước thương

dân tha thiết. Ông còn là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng cho các thế hệ noi theo. Với đạo đức, tài năng và công lao như vậy, Bùi Hữu Nghĩa xứng đáng là Nhà yêu nước thời cận đại, nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ 19, là một danh nhân văn hóa của đất nước, đúng như câu ca dao vẫn được truyền tụng trong nhân dân:

Đồng Nai có bốn rông vàng.

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi..

5.2 Học tập và noi theo tấm gương danh nhân văn hóa Bùi Hữu Nghĩa:

Đối với cá nhân tác giả là một cán bộ, đảng viên công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ với chuyên môn nghiệp vụ của mình là công tác quản lý tài chính, cá nhân tác giả luôn tâm nhiệm và hành động theo phương châm:

Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại cho dân, phải hết sức tránh. Trong khi thi hành công vụ, tác giả suy nghĩ và hành động theo đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Đối với những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra mà chính sách và pháp luật có sự bất cập, ý kiến nhìn nhận khác nhau, người cán bộ chân chính cần đặt ra và có câu trả lời đúng đắn cho câu hỏi: Lợi ích của dân trong vấn đề này là gì và làm thế nào để mang lại lợi ích cho dân nhất? Khi các phương án được đưa ra khác nhau, tiêu chuẩn để lựa chọn là phương án nào được sự đồng thuận của đông đảo nhân dân hơn cả, đem lại nhiều lợi ích cho dân nhất và phương án đó không trái đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Luôn thực hành cần, kiệm, liêm, chính. Cần là cần mẫn, tận tâm, hăng hái trong mọi công việc, kiên trì thực hiện cho được kế hoạch công tác, không vì khó khăn mà bỏ dở công việc. Kiệm là luôn chú ý tiết kiệm cả sức lực, tiền của của dân; tài chính và vật chất của Nhà nước; thời gian làm việc của bản thân. Liêm là

“Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình” .Chính là chính trực; nói và làm chính danh, không lộng quyền, lạm quyền, bảo vệ cái đúng, mạnh dạn đổi mới, đấu tranh với cái xấu...

Bản thân luôn học tập, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực để có cống hiến cao nhất cho nhân dân. Muốn vậy, chính bản thân không nên tự thỏa mãn với trình độ và kinh nghiệm đã có; phải ham học tập, ham tìm hiểu để mở rộng tầm hiểu biết, thành thạo một việc và biết nhiều việc, không ngừng nâng cao năng lực công tác, hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Phải yêu dân, tin dân, trọng dân, gần dân, học dân. Có yêu dân, cán bộ mới hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Có tin dân, cán bộ mới tìm mọi cách phát huy sức mạnh trí lực, nhân lực và tài lực của nhân dân. Phải luôn khiêm tốn, thật lòng nhớ rằng mọi thành công của mình đều là nhờ công sức của nhân dân, của tập thể, nếu tách rời nhân dân thì cán bộ không tài nào lập được công trạng.

Bản thân luôn nghiêm túc và thường xuyên thực hành tự phê bình và phê bình. Là cán bộ phụ trách công tác tài chính của ngành khoa học và công nghệ , phải năng nổ, dám nghĩ, dám làm, mặc dù khó tránh khỏi có sai sót, khuyết điểm. Nhưng tự bản thân phải biết nghiêm khắc với thiếu sót, khuyết điểm của mình, bản thân phải làm gương trước cho cấp dưới trong tự phê bình, thẳng thắn nhận khuyết điểm và sửa chữa sẽ thúc đẩy phê bình trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị mà mình công tác.

Đối với gia đình của mình: Theo tác giả gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới và theo quan niệm truyền thống, xây dựng văn hóa gia đình trên nền tảng đạo đức bao gồm đạo hiếu, đạo nghĩa như đạo mẫu tử, cha con, chồng vợ, anh, em; cách cư xử với ông bà, cha mẹ, với xóm làng.

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập của xu thế toàn cầu hóa, bên cạnh những tác động tích cực, ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường cùng sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Internet... đã đặt chúng ta trước một thử thách đó là nền tảng gia đình Việt Nam truyền thống phần nào bị mai một. Nhiều người trong lớp trẻ ngày nay không còn giữ được đạo lý truyền thống, chạy theo lối sống ích kỷ, đề cao giá trị vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần...

Bản thân tác giả nhận thức rằng: Mỗi thành viên trong gia đình của mình phải phát huy tốt những giá trị đạo đức của gia đình truyền thống, giữ vững gia phong, làm tốt việc giáo dục con cái không chỉ dừng lại ở các chương, điều trong sách vở mà quan trọng là phải giáo dục bằng chiều sâu lịch sử, những truyền thống đấu tranh giải phóng của ông cha ta, bằng những tấm gương yêu nước, hiếu học tiêu biểu, những anh hùng, liệt sĩ hy sinh ..qua đó giáo dục cho con em về tình yêu quê hương đất nước, ý thức phấn đấu học tập, đức hy sinh, lòng vị tha và nhân ái, trong đó người lớn phải luôn luôn gương mẫu là tấm gương để con trẻ noi theo, có lối sống lành mạnh, ứng xử văn minh phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và xu thế phát triển của thời đại. Hãy trân trọng và giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp mà ông cha ta để lại

5.3 Đóng góp ý kiến đối với các ngành các cấp:

5.3.1 Chương trình giáo dục trong nhà trường:

Cần phải đưa lịch sử, văn hóa địa phương vào lồng ghép trong một số môn học. Mục tiêu chính là nâng cao nhận thức về ý nghĩa di sản văn hóa, lịch sử đối với học sinh, thanh niên, sinh viên. Các hoạt động giáo dục di sản văn hóa rất phù hợp với tâm lý lứa tuổi các em, bởi vì ở tuổi trẻ có tính cách là ham tìm tòi, khám phá, trải nghiệm sẽ làm tăng thêm vốn hiểu biết của thế hệ trẻ về lịch sử, văn hóa, xã hội, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống của quê hương.

5.3.2 Công tác bảo tồn, trưng bày hiện vật văn hóa lịch sử:

Cần phải thay đổi tư duy, đặc biệt là đối với ngành bảo tàng của tỉnh. Theo hướng chú trọng phục vụ thế hệ trẻ, phục vụ công chúng ngày càng tốt hơn. Dù có nhiều cách hiểu khác nhau, nhưng bảo tàng có hai chức năng cơ bản: là chức năng nghiên cứu khoa học và chức năng giáo dục khoa học. Đối với thế hệ trẻ, với các tài liệu, hiện vật có giá trị bảo tàng tạo cơ hội cho họ nhận thức về quá khứ, lịch sử - văn hóa... nâng cao ý thức tôn trọng và bảo vệ di sản văn hóa dân tộc cho cộng đồng.

Trước đây vào tham quan một bảo tàng học sinh, sinh viên sẽ được hướng dẫn bởi một nhân viên, người này thuyết minh cho người nghe về một vấn đề, sự kiện, nhân vật nào đó mà bảo tàng đang trưng bày hiện vật, hình ảnh, tài liệu liên quan. Với phương pháp này, các bảo tàng chủ yếu thuyết minh cho các đoàn tham quan và ít có sự trao đổi giữa người nói và người nghe. Như vậy, việc tiếp nhận một chiều không tạo ra được một môi trường giáo dục đúng nghĩa đối với thế hệ trẻ. Điều này dễ gây ra sự nhàm chán, cũng khiến cho nhà trường ít gắn với bảo tàng vì ít thấy hiệu quả của mỗi chuyến tham quan, ít thấy lợi ích của việc tham quan bảo tàng đối với các chương trình lịch sử, văn hóa.

Trong thời kỳ hiện nay, thế hệ trẻ có nhu cầu được giao tiếp, được đối thoại... Nhu cầu đó đòi hỏi các cán bộ làm công tác ở bảo tàng phải đổi mới phương pháp tiếp cận, phải năng động hơn, tìm tòi và tổ chức nhiều hoạt động hơn để thu hút họ. Tức là thay đổi cách thức hoạt động để bảo tàng có thể có nhiều hoạt động mang tính đa dạng và chất lượng cao hơn nhằm thu hút khách đến với mình và đóng góp nhiều hơn cho xã hội

Nhà trường có thể kết hợp với bảo tàng để tổ chức tham quan cho học sinh, sinh viên. Nếu nhà trường là nơi tiếp nhận kiến thức giáo khoa, bảo tàng sẽ tạo thêm nhiều cơ hội khác nhau để các em trải nghiệm, khẳng định lại những gì đã

học và học thêm những kiến thức mà từ sách vở, thầy cô giáo không có. Hoặc học sinh tiếp nhận sự kiện lịch sử qua lời kể của giáo viên trên lớp không thể cuốn hút bằng việc nhìn thấy những hình ảnh của sự kiện, con người qua bảo tàng.

Bảo tàng tỉnh cần có cách thu hút học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức như: chiếu phim, các buổi trình diễn, vẽ, sưu tầm hiện vật. Cán bộ bảo tàng có thể tham khảo cách làm thành công ở một số quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, cần đầu tư để thực hiện một website chất lượng, tạo ra một không gian lưu trữ văn hóa, lịch sử phong phú nhiều màu sắc để người dân trong tỉnh, học sinh, sinh viên, giáo viên hay người nghiên cứu bên ngoài muốn tìm hiểu về lịch sử, văn hóa có thể tìm kiếm được những thông tin hữu ích.

Chương trình hoạt động của đội, đoàn thanh niên: Đội Thiếu niên Tiền phong, Đoàn Thanh niên, sẽ là lực lượng đi đầu trong việc đưa đội viên, đoàn viên đến với văn hóa, lịch sử của tỉnh. Thông qua các chương trình thi tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của nhân dân. Để làm được điều đó, cần có kế hoạch tổ chức một cuộc thi, mà đối tượng tham gia không bắt buộc, nhưng khuyến khích tất cả mọi người cùng tham gia.

5.3.3 Kết hợp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá cho phát triển du lịch tỉnh nhà:

Đối với các di tích lịch sử tại tỉnh Đồng Nai: di tích của tỉnh Đồng Nai ngày càng nhiều, phần lớn các di tích có thời gian tồn tại khá lâu dài đã có nguy cơ xuống cấp như di tích chùa Bửu Phong, đình Tân Lâm, Mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, Thành Biên Hòa, nhà lao Tân Hiệp... Phải xác định rõ quan điểm phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các di tích là luôn gắn công tác bảo tồn tính đa dạng, gìn giữ các giá trị di tích lịch sử văn hoá với việc khai thác phục vụ du lịch; hay nói cách khác phát triển du lịch vì mục tiêu văn hoá; đồng thời, việc bảo vệ tôn tạo di tích phải hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn các đối tượng đến tham

quan nghiên cứu, trong đó có khách du lịch. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, phát triển mạnh các hình thức xã hội hóa theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự chủ về tài chính vào các hoạt động bảo tồn di tích, phục hồi các giá trị văn hoá truyền thống và phát triển du lịch văn hoá là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài của các cơ quan chức năng.

5.3.4 Thiết tạo lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc của tỉnh Đồng Nai:

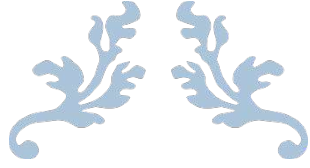
Việc tri ân những danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và nhân dân. Do đó, việc thiết tạo lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc là một trong các hình thức để tưởng nhớ tri ân vừa là hình thức giáo dục mọi người dân hiểu biết nhiều hơn về lịch sử dân tộc, hun đúc thêm tinh thần yêu nước và tự tôn dân tộc.

5.3.5. Tổ chức in ấn và phát hành các ấn phẩm về danh nhân của địa phương:

Tạo ra những sản phẩm văn hóa hoàn chỉnh, có giá trị về tư tưởng, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ, thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu thưởng thức văn hóa - tinh thần của công chúng trong toàn xã hội và thuyết phục được cộng đồng địa phương cũng như nhân dân trong nước và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo Định Giang. Bùi Hữu Nghĩa - con người và tác phẩm. NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1988.
2. Cao Xuân Dục. Quốc triều hương khoa lục. NXB Lao Động & Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2011.
3. Nguyễn Văn Hào. Văn học miền Nam Lục Tỉnh, tập II: Văn học Hán Nôm thời khai mở & xây dựng đất mới. NXB Trẻ, 2012.
4. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập IV. NXB Thuận Hóa, 2005.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập IV. NXB Giáo Dục, 2007.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập VI. NXB Giáo Dục, 2007.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập VII. NXB Giáo Dục, 2007.



CÂU HỎI SỐ 02

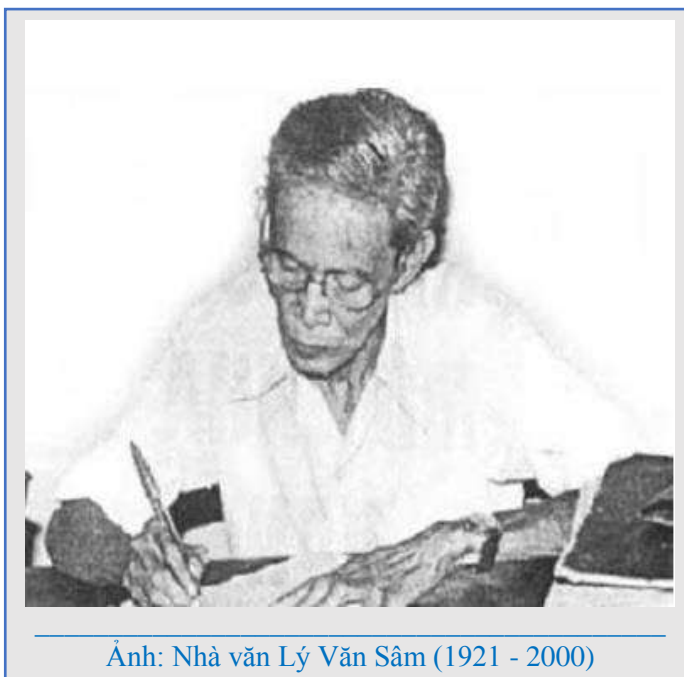
Hãy trình bày cảm xúc của bạn về tấm gương của một trong những vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà bạn biết ?



TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 02:

1. Lý do chọn nhân vật:

Tôi sinh ra và lớn lên tại mảnh đất Đồng Nai nơi có bề dày lịch sử hơn 310 năm hình thành và phát triển, trong gia đình có truyền thống cách mạng, với sự nỗ lực công tác và không ngừng phấn đấu học tập, năm 2016 là năm có ý nghĩa quan trọng đối với tôi là được Ban Lãnh đạo Sở và tập thể cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ tin nhiệm giới thiệu



tôi tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 14 đây là vinh dự và niềm tự hào lớn lao đối với bản thân tôi. Trong thời gian tham gia với tư cách là ứng cử viên, tôi có cơ hội tìm hiểu về chức năng nhiệm vụ và hoạt động của Quốc hội và các đại biểu quốc hội của tỉnh Đồng Nai qua các thời kỳ.

Trong chủ đề của Hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2016 là *“Hãy trình bày cảm xúc của bạn về tấm gương của một trong những vị đại biểu Quốc hội ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà bạn biết”*. Tôi xin được viết về Nhà văn Lý Văn Sâm - Nguyên Phó Chủ tịch Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại biểu Quốc hội (khóa VI), Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh

Khi nhắc đến truyện ngắn trong dòng văn học yêu nước miền Nam các giai đoạn 1945 - 1954; 1954 - 1975 không thể không nhắc đến các tác phẩm của nhà văn Lý Văn Sâm. Ông là một nhà văn tiêu biểu của Đồng Nai nói riêng, của Nam Bộ nói chung. Hơn nửa cuộc đời dành cho văn chương, Nhà văn Lý Văn Sâm đã để lại những dấu ấn sâu đậm trên văn đàn Việt Nam. Ngòi bút điêu luyện của ông đã làm say mê biết bao độc giả đương thời, đánh thức những tình cảm sâu xa nhất trong tâm hồn con người. Ông còn sử dụng nhiều bút danh khác như: Văn Sâm, Huyền Sâm, Mộc Tử Lang, Ánh Minh, Bách Thảo Sương, Đào Lê Nhân.

Tính đến nay, ông là một trong ba nhà văn của Đồng Nai đã được vinh dự nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

“Ông Lý Văn Sâm là một nhà văn đặc biệt” tại sao tôi lại nói như vậy vì thành tựu văn chương của ông quả thực rất đáng ngưỡng mộ. Bên cạnh gia tài văn chương quý giá để lại cho lớp hậu sinh, Nhà văn Lý Văn Sâm còn có quá trình cống hiến cách mạng lâu dài và son sắc. Ông được xem là một trong bốn nhà văn cây đa cây đề của đất Đồng Nai, đó là Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc, Nhà văn Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bôn. Hoạt động trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các tác phẩm xuất sắc của ông đã gieo vào lòng độc giả đương thời nhiều ấn tượng tốt đẹp, khơi dậy những khát vọng và hướng họ đến với con đường tranh đấu, con đường cách mạng.

2. Nhà văn Lý Văn Sâm - cuộc đời và sự nghiệp văn chương:

2.1. Thời niên thiếu:

Lý Văn Sâm sinh ngày 17 tháng 2 năm 1921 tại một làng nhỏ ở quê ngoại thuộc vùng Tân Thuận, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà (cũ), nay là huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương. Đây chính là “quê hương rừng thẳm sông dài” theo cách gọi của nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ. Vùng này là miệt rừng núi, hời ăy hầy còn hoang vu.

Quê nội của ông, làng Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hoà (nay thuộc tỉnh Đồng Nai) cũng là một làng nằm giữa vùng rừng núi. Làng Bình Long cũng như cả vùng Tân Uyên trước năm 1945 rất nghèo, thế nhưng chính vùng đất nghèo khổ ấy lại là nơi sinh ra những con người tài hoa trong một thời kỳ sôi động của đất nước như Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Bình Nguyên Lộc, Vũ Anh Khanh, Hoàng Văn Bồng

Ông sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp trung lưu nhưng về sau trải qua nhiều khó khăn, biến cố. Cha của ông làm viên chức kiểm lâm, tên là Lý Văn Huệ mất năm 1943. Mẹ của ông có thời gian đi buôn bán nhỏ và ở nhà nội trợ, tên là Đặng Thị Út và mất trước chồng một năm (năm 1942). Nhà văn Lý Văn Sâm là con đầu lòng của ông bà Lý Văn Huệ nên được gọi là cậu Hai, anh Hai,... (theo cách xưng hô của người miền Nam). Cha của ông làm nghề kiểm lâm và lãnh tiền xâu trả cho công nhân đốn cây nên cả quảng đời thơ



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm thời trẻ

ấu của Lý Văn Sâm trải qua hầu hết ở vùng rừng rậm. Từ nhỏ, ông ở với bà ngoại ở làng Tân Nhuận. Ông nằm trong lòng bà ngoại nhiều hơn trong lòng mẹ vì mẹ của ông phải buôn bán vất vả quanh năm, một chuyến ra tỉnh trở về cũng mất bảy, tám ngày... nên ông không có điều kiện trò chuyện với ai. Do đó, ông trở thành cậu bé hết sức cô đơn. Những cảnh thiên nhiên của quê hương đã in đậm dấu ấn trong tâm hồn ông từ thời thơ bé. Trong các tác phẩm *Thâm u và cao cả*, *Mã Đà sơn cước* nhà văn Lý Văn Sâm đã nhiều lần nhắc đến những kỷ niệm xúc động về quê hương tuổi ấu thơ của mình “*Tôi lớn lên ở trong rừng và mãi tới*

năm bảy tuổi mới được ra học ở trường tỉnh. Trọn bảy năm, tâm hồn thơ dại của tôi đã thấm bóng núi, hình cây, tiếng chim, lời suối.”

Từ nhỏ ông rất ham học và đến năm bảy tuổi, ông được cha ông đưa xuống làng Uyên Hưng (thị trấn Tân Uyên ngày nay) để học sơ học tại trường làng. Trường nằm kế bên nhà anh Tô Văn Tuấn (tức nhà thơ Bình Nguyên Lộc sau này). Nhìn bên này sông, Lý Văn Sâm nhìn về quê nội Bình Long rất rõ. Những thay đổi chút ít về hoàn cảnh sống không làm khác đi tâm hồn giàu lãng mạn của cậu bé Lý Văn Sâm. Khung cảnh thơ mộng với những cánh cò trắng và thiên nhiên tươi đẹp, hoang dã. Nơi đây đã thấm đẫm tâm hồn lãng mạn của cậu học trò nhỏ như ông đã tâm sự: *“Hàng ngày tôi vẫn thường ra đi một lượt với lũ cò. Tôi cắp những cặp sách mỏng kèm theo một mo cơm nhão và đếm từng bước nhỏ trên con đường trải đá son, theo vòng bán nguyệt của dòng nước lụt, giống như một nét viết chì đỏ và một nét viết chì xanh vẽ sông trên những trang giấy trắng thành hình một cái móng đóng trên trời... Trưa tôi ở lại và ăn cơm dưới góc nhàn trong sân trường. Chiều, tôi về một lượt với đàn cò. Không biết buổi sáng cò bay đi đâu mà chiều cò lại về đúng giờ, đúng khắc quá”*

Năm lên mười tuổi, Lý Văn Sâm được gia đình đưa lên tỉnh học và dần dần xa cảnh rừng thẳm, song dài. Cha ông nghĩ đến tương lai của ông nên đã đưa cả nhà về tỉnh lỵ Biên Hòa mượn phố ở nhưng cha ông vẫn làm thầy đội kiểm lâm. Trước năm 1945, Biên Hòa có tên là xã Bình Trước. Phần đông người dân Biên Hòa hồi đó có cuộc sống rất nghèo khổ. Lý Văn Sâm học tiểu học ở Bình Trước chỉ có một “trường con trai”. Đây là trường tiểu học hoàn chỉnh (École primaire de plein exercices) duy nhất tới lúc đó ở tỉnh Biên Hòa, có từ thế kỷ XIX. Ngôi trường này mang tên Pháp là École primaire complémentaire de BienHoa (là Trường tiểu học Nguyễn Du ngày nay), tiếng Pháp là ngôn ngữ chính của trường. Vì thế, Lý Văn Sâm là người được học hành tử tế so với nhiều

thanh thiếu niên thời đó. Tại đây ông được học với rất nhiều thầy giáo giỏi như thầy giáo Năm, thầy Lương Văn Lê, thầy Huỳnh Văn Giỏi, Thầy Nguyễn Văn Tòng..

Trong số các thầy giáo tiểu học ở Biên Hòa, Lý Văn Sâm yêu mến nhất là Thầy Tòng. Thầy Tòng đã nêu tấm gương khí khái, quyết từ bỏ nghề giáo những năm 1936-1938 để tham gia phong trào công khai lúc bấy giờ và đã không nề hà bất cứ hy sinh nào, ngay cả đến tính mạng của mình. Lý Văn Sâm còn yêu quý một thầy giáo nữa - đó là nghệ nhân mù Năm Trừu. Thầy Năm Trừu có nghề đờn thổi rất giỏi. Sau này, khi bắt đầu viết văn, Lý Văn Sâm nhớ về thầy giáo cũ và sáng tác truyện ngắn **Tiếng Đàn sông Phố** đăng trên **Tiểu thuyết thứ bảy**.

Chính tiếng sáo của Bác Năm Trừu đã thổi vào tâm hồn trẻ Lý Văn Sâm những khúc ca tình tự đầu tiên của quê hương

Học xong năm lớp nhứt (cours Supérieur), nhà văn Lý Văn Sâm đã thi lấy bằng tiểu học. Tốt nghiệp tiểu học ở quê, ông xuống Sài Gòn thi đậu loại nữa nội trú nữa không của trường Pétrus Ký - trường trung học lớn nhất Nam Kỳ (nay là Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong). Học trường này không lâu thì giữa ông với đốc học Nguyễn Văn Dĩ xảy ra xung đột nên bị buộc thôi học. Ông phải xin vào học trường tư thục Lê Bá Cang, nhưng chỉ một thời gian ngắn thì nghỉ học về quê Bình Trú. Giai đoạn này (1936 -1939) là những năm tháng sôi nổi của thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Chính phong trào này đã làm trỗi dậy chất lãng mạn vốn có trong tâm hồn Lý Văn Sâm. Ông cùng một vài người bạn trong tỉnh nuôi mộng lập một gánh hát nghiệp dư để đi hát quanh vùng, lấy tiền giúp các quỹ cứu tế và hội đá banhVốn mê cải lương nên ông viết một số vở tuồng, trong đó có vở **Mũi tên diệt bạo**. Trong thời gian này ông may mắn quen biết và gặp gỡ soạn giả Trần Hữu Trang - một tên tuổi sân khấu lớn sau này.

Về gia đình một thời gian, Lý Văn Sâm lên miệt Định Quán dạy kèm con gái vị Hương cả người dân tộc. Nửa năm sau, tình thầy trò chuyển sang tình yêu. Gặp lúc mẹ đang muốn có cháu bồng nên ông cưới vợ và dẫn nhau về thị xã sống Bình Trước sống. Tuy đã có vợ nhưng tuổi đời còn rất trẻ, do đó, cha của ông muốn ông có công danh sự nghiệp nên đã cho ông ra Huế để học. Sau đó, ông học trường tư thực Hồ Đắc Hàm nhưng do trường không chứa học trò có vợ nên ông rời trường và xin vào Trường trung học Phú Xuân của đốc học Cao Xuân Chiểu và đậu bằng Thành Chung năm 18 tuổi. Những năm tháng sống và học tập ở Huế, Lý Văn Sâm ấn tượng khi được học với những người Thầy nổi tiếng như Giáo sư Hoài Thanh, Giáo sư Thanh Tịnh. Ấn tượng lớn nữa là ông có nhiều lần gặp gỡ nhà cách mạng Phan Bội Châu.



Ảnh: Vợ chồng Lý Văn Sâm và con trai

Rày đây mai đó mãi cho đến năm 1942 sau khi mẹ mất rồi năm sau, ba ông cũng qua đời, Lý Văn Sâm trở về thọ tang mẹ, cha, lo xây cất mồ mã và gánh vác sự nghiệp của cha ông để lại. Ông đã phải dừng bước giang hồ, quăng túi thơ để nối nghiệp cha lo cho gia đình. Ông thay cha cai quản lò than ở Trị An. Sau đó, gia đình Lý Văn Sâm sản nghiệp suy sụp và dần dà rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Ông có bốn người em, lớn lên đều phải làm thuê, làm mướn, thậm chí là đi ở đợ. Người em kế, bà Lý Thị Quỳ, mất năm 1955. Người em út, bà Lý Thị

Cường, sau năm 1975, bà ở với gia đình ông tại thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị Năm (tự Châu) lấy chồng ở Tân Mai (Biên Hòa). Lý Văn Sâm chỉ có một người em trai là Lý Văn Mô. So với ông, Lý Văn Mô học hành ít hơn nhưng có tài đánh cờ tướng, từng được phong là vua cờ Nam kỳ và đã viết một số sách về cờ tướng với bút hiệu Lý Anh Mậu. Ông Mô đã mất ngày 25 tháng 05 năm 1975, lúc còn là công nhân nhà in Phú Nhuận.

2.2. Thời kỳ trưởng thành, tham gia cách mạng và sáng tác:

Nhiều năm trong tuổi thanh niên, Lý Văn Sâm đã sống gắn bó với quê hương rừng núi nhất là khi ông thay cha làm chủ lò than giữa vùng rừng Mã Đà - Trị An - Đồng Nai nơi mà trong tập văn *Mã Đà sơn cước*, nhà văn Lý Văn Sâm từng viết “*Mã Đà vốn là quê hương lâu đời của*



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm tại chiến khu D

những loài cây cổ thụ có tên và không tên, của những vạt rừng già mênh mông không vết chân người ...”. Tình yêu đối với quê hương và sự gắn bó với rừng núi đã giúp nhà văn Lý Văn Sâm viết nên những trang văn đặc sắc về cảnh núi non hoang sơ, kỳ vĩ và cuộc sống của con người mộc mạc, chất phác.

Năm 1941, đánh dấu sự xuất hiện của nhà văn Lý Văn Sâm trên văn đàn với truyện ngắn *Cây nhị sông Phố* đăng trên *Tiểu thuyết Thứ bảy* (số 93, Hàng Da, Hà Nội), những truyện đường rừng đầu tiên của một nhà văn miền Nam. Sau đó nhiều sáng tác của nhà văn được các báo trong Nam ngoài Bắc đăng tải. Là một nhà văn trẻ, tài năng, ngay từ khi mới xuất hiện, Lý Văn Sâm đã viết khá nhiều và nhanh ở đủ mọi thể loại: truyện ngắn, truyện vừa, kịch, tiểu thuyết...

Thể tài sáng tác của ông cũng khá phong phú, từ thể tài đường rừng, phiêu lưu, dã sử, tâm lý xã hội, cho đến cả những sách trẻ, sách tuổi xanh... và trải qua nhiều thời kỳ sáng tác.

Khát vọng tự do, công bằng trong một xã hội nô lệ đã đưa Lý Văn Sâm đến với cách mạng một cách tự nhiên và rất sớm. Thông qua sự tuyên truyền của những người cộng sản đầu tiên của Đồng Nai như Phạm Văn Ký (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa cũ), Hồ Văn Đại (nguyên Trưởng ty công an tỉnh Thủ Biên), Hoàng Minh Châu, Nguyễn Văn Lành, Nguyễn Văn Tàng, những người mà Lý Văn Sâm gọi là các “anh lớn”. Từ năm 1943, ông đã tham gia các cuộc rải truyền đơn, tuyên truyền cách mạng trong thanh niên học sinh ở Biên Hòa.



Trong những ngày tháng Tám sục sôi năm 1945, nhà văn cùng nhân dân vùng lên cướp chính quyền rồi trở thành cán bộ tuyên truyền của tỉnh Biên Hoà. Năm 1946, khi Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ, nhà văn Lý Văn Sâm bị bắt, quản thúc tại xã Bình Trước (nay là thành phố Biên Hoà). Sau khi ra tù, bị mất liên lạc với tổ chức, ông lên Sài

Gòn làm báo, viết văn và tham gia các hoạt động điệp báo trong lòng địch. Đây cũng là thời gian (giai đoạn 1947 - 1950) sáng tác sung sức nhất của nhà văn Lý Văn Sâm. Trong khoảng thời gian này, khá nhiều tác phẩm thuộc loại truyện ngắn và truyện vừa của nhà văn đã được xuất bản như: *Thù nhà nợ nước* (1947), *Mười lăm năm hận sử* (1947), *Chiếc vòng ngọc thạch* (1948), *Sương gió biên*

thùy (1949), *Ngoài mưa lạnh* (1949), *Sau dãy Trường Sơn* (1949), *Nắng bên kia làng* (1949), *Cỏ mọn hoa hèn* (1949), *Sóng vỗ bờ xa...* Trong đó, nhiều tác phẩm trước khi in thành sách đã được in trên các báo *Việt bút*, *Tiếng chuông*, *Lẽ sống* ... Hầu hết các sáng tác của Nhà văn Lý Văn Sâm thời kì này đều được in ẩn tại Sài Gòn, vì thế, nhà văn đã cố tình che giấu tình yêu quê hương, đất nước hay thái độ phê phán chế độ thực dân, tay sai dưới vỏ bọc chuyện xưa tích cũ, chuyện vợ con, gia đình hay trong lớp vỏ truyện đường rừng.

Năm 1950, trước nguy cơ bị lộ, ông được rút về chiến khu. Năm 1954, sau hiệp định Giơnevơ, nhà văn Lý Văn Sâm ở lại hoạt động báo chí và văn nghệ công khai tại Sài Gòn.

Năm 1955-1956, đây là giai đoạn ông đạt nhiều thành tựu nhất trong quá trình sáng tác của mình. Đặc biệt hiện lên trong một số truyện ngắn là hình ảnh người cán bộ kháng chiến yêu nước thương dân phải giã từ quê hương lên đường chiến đấu. Họ trải qua một thời gian dài xa cách người thân. Rồi

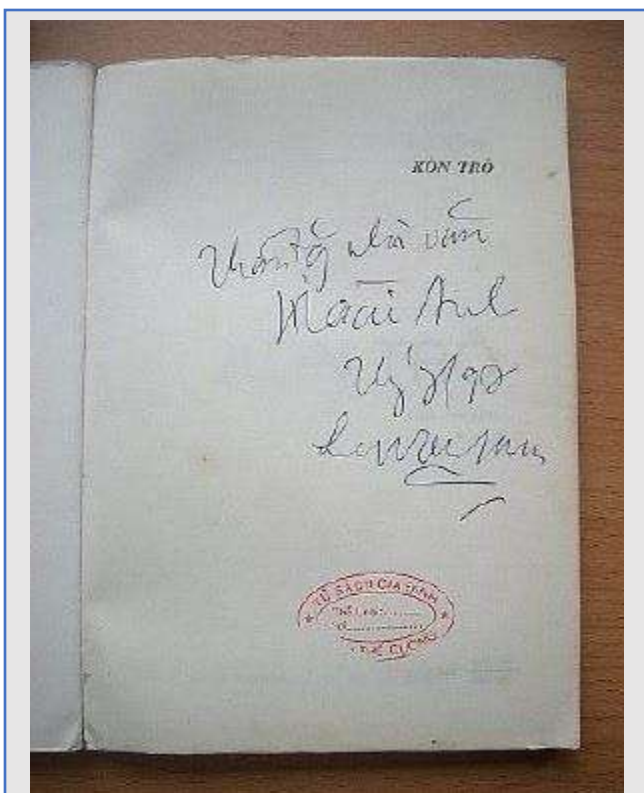


Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm tại căn cứ R

hoà bình lập lại, những tưởng cuộc trùng phùng không gì ngăn cách được. Thế nhưng, trước âm mưu chia cắt đất nước, họ phải gạt tình riêng, bước tiếp trên con đường tranh đấu chung của dân tộc. Tác phẩm *Mười năm thương nhớ* (*Ban mai*, Sài Gòn, 1955) của ông là một câu chuyện chất chứa nhiều cảm xúc của người viết, gây xúc động cho người đọc. Qua mảng truyện này, nhà văn Lý Văn Sâm đã giúp người đọc ít nhiều cảm nhận được tính chất chính nghĩa của cuộc

kháng chiến, đồng thời yêu mến cảm phục những con người kháng chiến. Đó quả là một đóng góp không nhỏ của nhà văn.

Có thể nói, sự nghiệp sáng tác của nhà văn Lý Văn Sâm là vô cùng phong



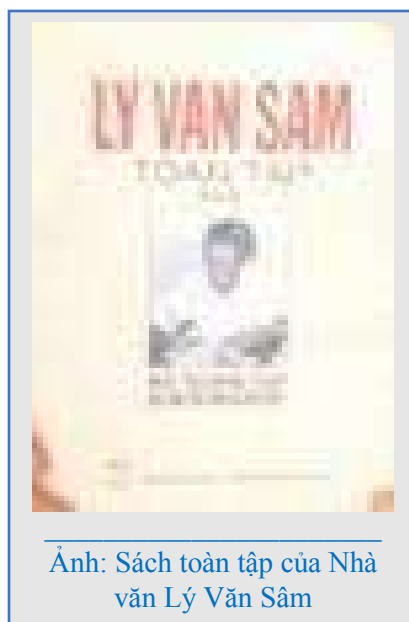
Ảnh: Thủ bút và chữ ký của Nhà văn Lý Văn Sâm

phú và đa dạng, dù viết ở đề tài nào, ông cũng kín đáo bộc lộ tư tưởng đấu tranh cách mạng và tinh thần yêu nước của mình. Bởi nhà văn Lý Văn Sâm trước hết là nhà văn cách mạng. Ông đặt nhiệm vụ cách mạng lên trên hết. Tuy nhiên, ông cũng không quên dụng công để tạo nên giá trị nghệ thuật cho những trang viết của mình. Vì vậy, những tác phẩm làm nên tên tuổi của ông vẫn còn sống mãi trong tâm thức người đọc và là một trong những giá trị không thể phủ nhận của văn học Việt Nam hiện đại.

Các sáng tác của nhà văn Lý Văn Sâm trong giai đoạn này đã đem lại cho ông không ít những thành công đó là mảng truyện viết về cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. Có thể kể đến hàng loạt truyện ngắn, truyện vừa tiêu biểu như: ***Đường vào đất Thục, Hồn Do Thái, Ngày ra đi, Qua bến lạnh, Sa mù, Lau lách điu hiu, Chuông rung trên tháp đổ, Khi rừng thay lá*** ... Sự xuất hiện hàng loạt truyện ngắn mang hơi hướm tranh đấu của nhà văn Lý Văn Sâm giữa lòng đô thị lúc bấy giờ đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của nhân dân miền Nam”, nhà văn Lý Văn Sâm vẫn khéo léo biểu dương tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến dân tộc, vạch trần tội ác và sự phi nghĩa của kẻ địch bằng

cách lôi cái xấu xa bỉ ổi của mặt trái đô thị và gián tiếp đề cao giải phóng quân. Không có điều kiện để nói rõ về cuộc kháng chiến đang diễn ra, nhà văn Lý Văn Sâm dồn tâm huyết của mình vào hình ảnh quê hương, đất nước, một hình ảnh trở đi trở lại trong rất nhiều sáng tác của ông đã làm hiện lên hình sông, dáng núi, cảnh rừng và nhất là hình ảnh con người miền Đông Nam bộ (đặc biệt là cảnh và người ở hai vùng đất Sài Gòn và Đồng Nai) với tác phẩm truyện ngắn có tên là ***Chuông rung trên tháp đổ*** đăng trên báo Xuân dân tộc với bút danh là Bách Thảo Sương. Ấn đặng sau lớp vỏ chữ nghĩa là trái tim của một nhà văn luôn thổn thức với số phận của quê hương, đất nước đang bị giày xéo dưới gót giày xâm lược, hay lo lắng cho số phận những con người đau khổ làm than, bị chà đạp. Cao hơn hết là khát vọng giành được cuộc sống độc lập, tự do, và một xã hội công bằng. Tác phẩm mang biểu tượng hai mặt nhằm phê phán sâu cay tính chất bù nhìn của chế độ chính trị bấy giờ đã kích trực tiếp chính quyền Ngô Đình Diệm. Vì thế, ông bị mật vụ chính quyền Sài Gòn bắt giam tại bốt Catinat và Trung tâm huấn chính Biên Hoà, tức nhà lao Tân Hiệp. Tháng 12 năm 1956, ông tham gia lãnh đạo tù chính trị nổi dậy phá ngục Tân Hiệp, trở về với kháng chiến. Từ năm 1956-1958 ông trở thành Chánh văn phòng Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một.

Những năm 1959 - 1961, ông công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, với các chức danh: Chính trị viên đoàn Văn công Giải phóng, thư ký toà soạn báo Văn nghệ Giải phóng, Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật (Bộ Văn hoá Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam).



Năm 1962, Hội Văn nghệ giải phóng được thành lập, Nhà văn Lý Văn Sâm là Tổng thư ký đầu tiên của Hội. Ông giữ chức vụ Tổng Thư ký Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam cho đến năm 1976.

Nhiều năm trong cuộc đời tham gia cách mạng đã khiến mái tóc của Nhà văn Lý Văn Sâm đã pha sương dù ông mới bước qua tuổi ngũ tuần. Ông đã đi rất nhiều nơi, trải qua nhiều vùng đất, càng đi càng thấy nhớ nơi mình vừa đến bởi hồi nghĩ về biết bao con người thân thuộc từng quen biết rồi lại chia xa.



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm hội ngộ văn nghệ sỹ hai miền Nam - Bắc sau năm 1975

2.3. Thời kỳ thực hiện trọng trách với vai trò đại điều Quốc hội khoá VI nước CHXHCN Việt Nam (1976-1981):



Sau ngày giải phóng miền Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975, non sông Việt Nam đã liền một dải. Tuy nhiên, trên thực tế lúc này vẫn còn tồn tại hai Chính phủ: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Do vậy, việc nhanh chóng thống nhất về mặt Nhà nước là nhiệm vụ được đặt lên hàng đầu lúc bấy giờ, để nhân dân ta tập trung xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh. Chính sự đồng lòng của các đại biểu Quốc hội hai miền, những con người đi ra từ cuộc kháng chiến cứu nước, đã góp phần quan trọng đưa Việt Nam thực sự trở thành một đất nước thống nhất. Cuộc tổng tuyển cử này đã được tiến hành trong cả nước ngày 25 tháng 4 năm 1976 theo những nguyên tắc thật sự dân chủ là: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Thắng lợi vang dội mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc tổng tuyển cử có tính chất quyết định đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Tổng số đại biểu được bầu là 492 đại biểu bao gồm tất cả các thành phần : Công nhân, nông dân, tiểu thủ công nghiệp, quân đội, cán bộ chính trị, tri thức và nhân sĩ, các tôn giáo, đảng viên, ngoài Đảng, phụ nữ, dân tộc thiểu số, anh hùng lao động và chiến đấu, thanh niên từ 20 - 30 tuổi ,cán bộ ở Trung ương, cán bộ ở địa

phương. Và nhà văn Lý Văn Sâm là một trong 11 đại biểu quốc hội của tỉnh Đồng Nai tham gia Quốc hội Việt Nam, khóa VI (1976-1981). Đối với ông đây là kỳ Quốc hội mang tính lịch sử rất sâu sắc, ghi lại dấu ấn trong chiều dài lịch sử của đất nước. Nếu Quốc hội khóa I là mở màn cho nền độc lập dân chủ thì Quốc hội khóa VI đánh dấu sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 30 năm chiến tranh chia cắt hai miền đất nước. Quốc hội thống nhất với một ý chí rất cao, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đại biểu Quốc hội biểu quyết với tỷ lệ cao cho những quyết định quan trọng cho bước phát triển mới của đất nước.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa VI, với nhiệm vụ là đại biểu Quốc hội ông đã không ngừng nỗ lực, hoàn thành tốt vai trò là cầu nối cử tri với Quốc hội và triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước vào thực tế nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ông không quên được cảm giác vui sướng và khí thế hoạt động sôi nổi, đoàn kết “cả trăm người như một” của các đại biểu trong 7 kỳ họp của Quốc hội khóa VI (1976-1981), bởi đây là những kỳ họp đầu tiên sau khi đất nước được thống nhất. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 5 năm, bản thân ông và các đại biểu trong cả nước đã nghiên cứu, thảo luận và quyết định nhiều vấn đề hệ trọng của đất nước, như: thông qua nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980); quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc huy mang dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Quốc ca là bài Tiến quân ca và chính thức đặt tên cho thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh; quy định thủ đô của nước Việt Nam thống nhất là Hà Nội. Đồng thời, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong thời gian làm đại biểu Quốc hội, cũng cùng tâm trạng với các đại biểu khác khi trúng cử đều có rất nhiều cảm xúc, có niềm vui, sự vinh hạnh nhưng

cũng đầy nỗi lo lắng trong vai trò mới là người đại biểu dân cử với mong muốn mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, những người đã đặt niềm tin vào mình. Trách nhiệm đối với nhân dân, nhiệm vụ với đất nước đó là những điều mà ông và các đại biểu Quốc hội luôn mong phải làm sao để thực hiện thật tốt, làm sao để làm hết trọng trách của người đại biểu dân cử. Với quyết tâm vừa làm vừa học, dù khó khăn gì nhưng có quyết tâm và tinh thần học hỏi thì sẽ làm được. Bằng nhiệt huyết của tuổi trẻ, ông đã không ngừng tìm tòi, nghiên cứu và học hỏi để làm tốt nhất vai trò của đại biểu Quốc hội.”

2.4. Thời kỳ đất nước hòa bình, thống nhất và những năm cuối đời:

Sau ngày giải phóng, nhà văn Lý Văn Sâm được bầu làm Phó Chủ tịch Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại biểu Quốc hội (khóa VI), Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh và nhiều năm làm Chủ tịch Hội Văn học tỉnh Đồng Nai. Ông còn là người giữ chức vụ cao nhất trong số các nhà văn kháng chiến.

Năm 1976, ông có dịp ra nước ngoài thăm hội nhà văn Hungary. Năm 1979 ông phụ trách đoàn trí thức Việt Nam thăm Liên Xô và năm 1980 ông tham gia đoàn đại biểu trao đổi văn hóa với nước Cộng hòa dân chủ. Đến ngày 5 tháng 01 năm 1989, nhà văn Lý Văn Sâm tự nguyện viết đơn nghỉ hưu.



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm tham dự Hội nghị quốc tế tại Liên Xô

Trong giai đoạn này, do phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau để phục vụ cách mạng, nhà văn Lý Văn Sâm viết ít hơn nhưng thông qua những tác phẩm mang tính chất hồi ức như: *Cà Ngá*, *Người thổi sáo ở bến Xuân*, *Chuyện ấy đã qua rồi* nhà văn cũng đã khắc họa rõ nét những con người kháng chiến miền Nam đầy khí tiết. Hình ảnh cuộc kháng chiến và sức mạnh quật khởi của dân tộc được nhà văn Lý Văn Sâm khéo léo lồng trong câu chuyện mang dáng dấp đường rừng, hay chuyện tình cảm riêng tư. Các sáng tác trong giai đoạn này có số phận khá kỳ lạ. Sau một chặng đường dài, mãi đến năm 1988 mới trở về với tác giả. Sau đó được tuyển chọn và in trong tuyển tập *Bến xuân* (1982), *Ngàn sau sông Dịch* (1988).

Bên cạnh những truyện ngắn dưới dạng hồi ức hay tự truyện, sau năm 1975 nhà văn Lý Văn Sâm còn viết khá nhiều bài kí như: *Nguyễn Phương Danh - một nghệ sĩ đặc biệt* (1976), *Huỳnh Văn Nghệ, chiến sĩ - thi sĩ* (1978), *Chân dung một nhà thơ đã khuất* (1980), *Sự tích đội văn công “bỏ túi”* (1981), *Người chết trẻ mãi* (1982)...



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bôn, Phạm Thanh Quang, Nguyễn Đức Thọ và Bùi Quang Huy

Mười ba năm làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai (1979 - 1993) mỗi tuần lên Hội vài ba ngày để giải quyết công việc, nhà văn Lý Văn Sâm ở lại trong căn phòng đơn sơ của Hội. Một cái bàn, một cái giường, vài ba bộ quần áo, dây mai-xo để đun nước là tài sản của chú Hai những ngày ở Hội. Ông ngại ngại trước những buổi tiệc tùng sang trọng, xa

lánh đám đông ồn ào, không thích đao to búa lớn, sống ản nhẫn chìm khuất giữa mọi người. Một đời đối mặt với bọn ác ôn, bọn cảnh sát chìm nổi, chịu bao ngón đòn tra tấn dã man, hứng bao nhiêu bom đạn chú Hai không hề run sợ, chỉ sợ những người hay nổ. Chú bảo: *Lúc còn trẻ mình sợ nhất là mấy thằng cha già hay nổ, trời ơi, có thằng nổ văng mạng mà không cần biết người ta có nghe mình nói hay không....”*

Khi ông nghỉ hưu, không còn công tác ở Hội Văn nghệ Đồng Nai nữa, mà chỉ còn là hội viên lão thành của Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh. Nhà văn thi thoảng cũng ghé thăm Hội, lúc ở 81 Trần Quốc Thảo, quận 3, lúc đến 62 Nguyễn Văn Đậu, Quận Bình Thạnh. Đến ngày 14 tháng 9 năm 2000, do tuổi già và tai biến ông từ trần vào lúc 19 giờ 02 phút tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.5. Sự nghiệp văn chương của Nhà văn Lý Văn Sâm qua sự đón nhận của công chúng:



Nhà văn Lý Văn Sâm và Nhà văn Anh Đức



Nhà văn Lý Văn Sâm và Nhà văn Nguyễn Quang Sáng



Nhà văn Lý Văn Sâm và nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm

Văn chương với chức năng cao cả của mình có thể tạo nên những điều kỳ diệu cho cuộc sống. Thế nhưng, tác dụng của nó còn tùy thuộc vào tầm đón nhận của người đọc. Khi tiếp cận tác phẩm của nhà văn Lý Văn Sâm, bạn đọc đương thời có nhiều cách cảm nhận khác nhau. Tuy nhiên nhìn chung, độc giả đều phát hiện, khám phá những giá trị riêng trong sáng tác nhà văn Lý Văn Sâm. Cụ thể như:

Nhà văn - nhà giáo Bùi Quang Tú Trong bài viết **Có ba con người trong Nhà văn Lý Văn Sâm** đăng trên tạp chí Văn nghệ số 4126 tháng 01 năm 2013 đã nhận định nét duyên của nhà văn như sau “*Nếu ví von một cách khập khiễng rằng văn học Việt Nam từ những năm 1930 của thế kỉ trước là một dàn nhạc giao hưởng, trong đó mỗi nhạc công chơi một loại nhạc cụ khác nhau, thì Nhà văn Lý Văn Sâm chính là người thổi sáo trong dàn nhạc ấy.*” Đó là: người chiến sĩ cách mạng, người quản lý văn nghệ và nhà văn.

Làm quản lý văn nghệ, ông đã lên tới cái ghế quyền lực cao của ngành này: Tổng thư ký Hội Văn nghệ giải phóng, Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học - nghệ thuật Việt Nam. Ở địa phương là Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai, Đại biểu quốc hội khóa VI. Là một chiến sĩ được cách mạng giác ngộ, ông đã tham gia treo cờ, rải truyền đơn trong nhà lồng chợ Biên Hòa. Từ năm 1947 đến năm 1950 nhà văn cộng sản Nhà văn Lý Văn Sâm viết văn viết báo ở Sài Gòn. Ông “dùng cán bút làm đòn xoay chế độ” khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, tinh thần quật khởi, đả phá chế độ tàn ác của thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Là một nhà văn có năng khiếu, trải đời, nhiều năm xông pha trong trường văn trận bút Nhà văn Lý Văn Sâm có nhiều kinh nghiệm trong nghệ thuật kể chuyện. Cái tài kể chuyện của ông là chỉ với vài dòng mở đầu đã tạo dựng được không khí truyện, sau đó ông cuốn người đọc vào không khí ấy và diễn biến câu chuyện cùng sự phát triển tính cách nhân vật.

Đứng trên bình diện nghệ thuật, tác giả Nguyễn Văn Y trong bài viết **Nhà văn từng một thời được tuổi trẻ hết sức ngưỡng mộ** cho rằng “*Ngòi bút điêu luyện của ông đã ít nhiều khơi dậy trong lòng người tình yêu quê hương đất nước*” và “*về truyện ngắn, về loại truyện viết cho tuổi trẻ, Nhà văn Lý Văn Sâm quả là cây bút có giá trị vào bậc nhất lúc bấy giờ*”

Tương tự, tác giả Bùi Quang Huy cũng đưa ra nhận định rất xác đáng khi cho rằng tác phẩm của Nhà văn Lý Văn Sâm là “*những trang văn hay và đẹp có sức lay động những gì sâu xa nhất trong lòng người*” Tác giả cho rằng “*Quá trình sáng tác của Nhà văn Lý Văn Sâm cũng là hành trình của một trí thức tìm đến và hoạt động Cách mạng*”. Nhận định mang viết về người trí thức, tác giả khẳng định: “*Nhà văn Lý Văn Sâm trở thành một trong những cây bút hiếm hoi khắc họa nhiều gương mặt trí thức một cách chân thực và sinh động*”

Tác giả Khôi Vũ đăng trên báo Tuổi trẻ Chủ Nhật, số 5 - 1991, cho rằng “*Dấu ấn văn học của nhà văn Nhà văn Lý Văn Sâm có lẽ được ghi đậm nét nhất vào thời kì trước Cách mạng tháng Tám đến năm 1955*”. Theo tác giả, có được dấu ấn ấy, trước hết là “*tinh thần tiến bộ, yêu nước, lòng nhân ái bằng bạc trong đó đã trở thành một loại vũ khí đặc biệt có sức mạnh khiến địch phải hoảng sợ...*”

Tác giả Lê Văn Thảo trong bài **Nhớ mãi nhà văn Nhà văn Lý Văn Sâm** (tên gọi thân mật chú Hai Lý), (Báo Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, số 38 ra ngày 28 tháng 9 năm 2000) đã bộc bạch: “*Thuở ấy tôi chưa hiểu biết gì về văn chương, tôi đọc chú với sự cảm thụ hoàn toàn cảm tính, sau này lớn lên vào nghề tôi hiểu ra chính những cảm xúc ấy, cách dẫn chuyện đưa người đọc vào với không khí tâm trạng lâng lâng mơ hồ một chút vui một chút buồn lẫn lộn ấy thật vô cùng quan trọng nếu không nói là thiết yếu trong việc gợi mở vào với thế giới văn chương.*”

Nhà phê bình Thế Phong, trong bài **Nhà văn Lý Văn Sâm**, một trong những bài phê bình sớm nhất về tác phẩm nhà văn Lý Văn Sâm in trên Tạp chí **Văn hoá Á Châu** (Sài Gòn), số 17/7 năm 1959, sau khi tìm hiểu truyện ngắn của Nhà văn Lý Văn Sâm, đã đưa ra kết luận *“có lẽ truyện ngắn mới là sở trường”* của ông. Bên cạnh đó, ông cũng khẳng định *“Nhà văn Lý Văn Sâm là nhà văn của truyện ngắn xã hội và tâm tình vô vàn đặc sắc. Ông còn tiến bộ nhiều trong thể truyện tâm lý, ông là nhà văn có tài, phong phú tình cảm và lối văn trau chuốt, phong nhã...”*

Tác giả Xuân Sách viết bài **Nhà văn Nhà văn Lý Văn Sâm** trên báo Văn nghệ Vũng Tàu - Côn Đảo số ngày 23 tháng 4 năm 1991. Trong đó, ông nhận định *“Nhà văn Lý Văn Sâm viết những “truyện đường rừng” gửi gắm những gì anh quan sát và áp ủ, những nhân vật mang dáng dấp anh hùng thảo khấu nhưng hành động lại mang tính cách của người Nam bộ trọng nghĩa khí, phảng phất tính huyền thoại dân dã nhưng cũng đậm nét hiện thực đời sống.”*



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm thăm thác Trị An

Hay trong bài **Đôi lời sau khi đọc Tuyển tập Nhà văn Lý Văn Sâm của tác giả Phạm Hồ**. Trong bài viết, Phạm Hồ đã phát hiện ra những giá trị riêng trong truyện ngắn Nhà văn Lý Văn Sâm, đặc biệt là việc xây dựng hình tượng con người trong tác phẩm *“Nhưng đáng quý hơn đó là những con người đã sống trong những khu rừng và thành phố ấy. Các em bé, các cô gái, các bà mẹ, các đồng chí bí thư chi bộ, các anh chiến sĩ giải phóng, các nhà báo, nhà thơ ... Tất cả đã hiện ra xứng đáng là những con người tiêu biểu cho nhân dân miền Nam*

rất hiền lành mà cũng hết mực anh hùng, rất giản dị, mà cũng vô cùng đẹp đẽ. Những con người ấy vừa có dáng hình chung của những con người miền Nam, vừa có những nét khắc họa, mang rõ sắc thái tâm hồn Nhà văn Lý Văn Sâm”.

Nhà nghiên cứu văn học - giáo sư Trần Hữu Tá đã đánh giá về nhà văn Nhà văn Lý Văn Sâm *“Là một nhà văn miền Nam tiêu biểu của nửa cuối thế kỷ XX, Nhà văn Lý Văn Sâm đã có đóng góp xứng đáng cho nền văn học dân tộc”*



Ảnh: Nhà văn Lý Văn Sâm và Hoàng Văn Bồn

Nhưng có lẽ tâm đắc nhất với sáng tác của Nhà văn Lý Văn Sâm phải kể đến ông Hoàng Văn Bồn, nhà văn xứ Biên Hoà - Đồng Nai, khi nhận định rằng sáng tác của Nhà văn Lý Văn Sâm *“đậm đà tình quê hương”*. Điều này là sự lí giải hợp lí nhất cho nhận định của ông về Nhà văn Lý Văn Sâm *“từng làm mưa làm gió trên văn đàn miền Nam”*. Hay trên báo **Văn nghệ Đồng Nai**, số 16 - 4 - 1991, nhà văn Hoàng Văn Bồn cũng viết *“Đã từng sống và làm việc*

văn chương ở thủ đô Hà Nội gần ba chục năm, kháng chiến có, hoà bình có, tôi nhận thấy phong trào văn nghệ miền Nam, văn nghệ sĩ miền Nam ít được hiểu cận kề đến nơi đến chốn. Anh Nhà văn Lý Văn Sâm là một hiện tượng thiệt thòi ấy. Trong Từ điển văn học, người ta đã cố tình quên anh. Trong sách giáo khoa nhà trường nhiều lần bổ sung, người ta đã cố tình quên anh, và chẳng biết bao giờ người ta mới chịu sửa chữa”.

Như vậy, nhà văn Lý Văn Sâm là một trong số không nhiều những nhà văn Đồng Nai viết nhiều và viết hay về quê hương, đất nước và con người Nam bộ đặc biệt là về quê hương rừng thẳm sông dày của chính ông. Ông có những đóng góp lớn cho văn học nước nhà bằng những tác phẩm có giá trị, nhất là ở thể loại truyện ngắn, có thể thấy dù đọc giả của nhiều thế hệ khác nhau nhưng đều có những nhận định thống nhất nhìn nhận những đóng góp riêng về giá trị nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của nhà văn Lý Văn Sâm. Chính những giá trị đã được thẩm định qua màn lọc thời gian ấy đã tạo ra một chỗ đứng riêng cho nhà văn Văn Sâm. Một lần nữa xin được nhắc tên ông ***nhà văn tài hoa của miền đất Đồng Nai***. Chúng ta cũng biết rằng văn chương Việt Nam có không nhiều những nhà văn tài hoa. Nhà văn Lý Văn Sâm là một đóa hoa quý của đất này mà văn nghệ Đồng Nai không dễ có được.

Với những công hiến lớn lao của nhà văn, nhà báo, nhà cách mạng Nhà văn Lý Văn Sâm trên các mặt trận cách mạng, văn hóa, văn học, báo chí. Ông được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương Độc lập hạng nhì, Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huy chương vì sự nghiệp văn học Việt Nam, Giải thưởng Nhà nước năm 2006, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Để tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những công hiến lớn lao của nhà văn, nhà báo Lý Văn Sâm đối với cách mạng Việt Nam, với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, với sự nghiệp báo chí, văn nghệ, văn học nước nhà nói chung và quê hương Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai vinh dự lấy tên ông để đặt cho con đường K24 (cũ) thành con đường nhà văn Lý Văn Sâm dài 670m.

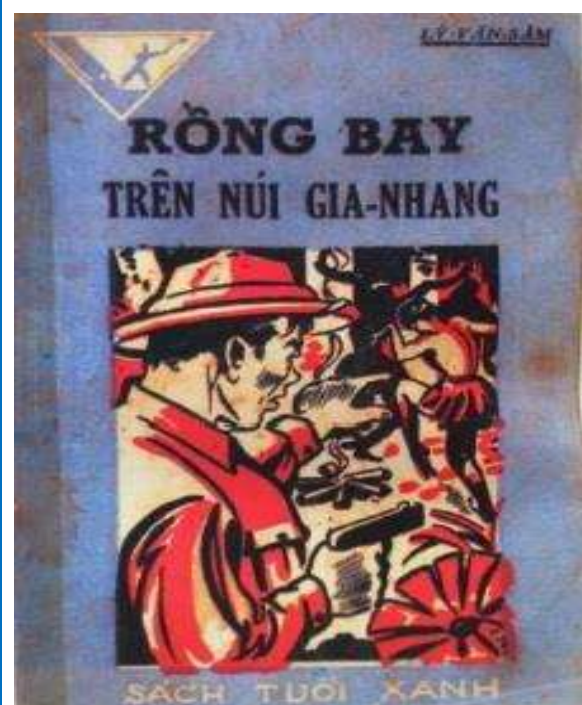
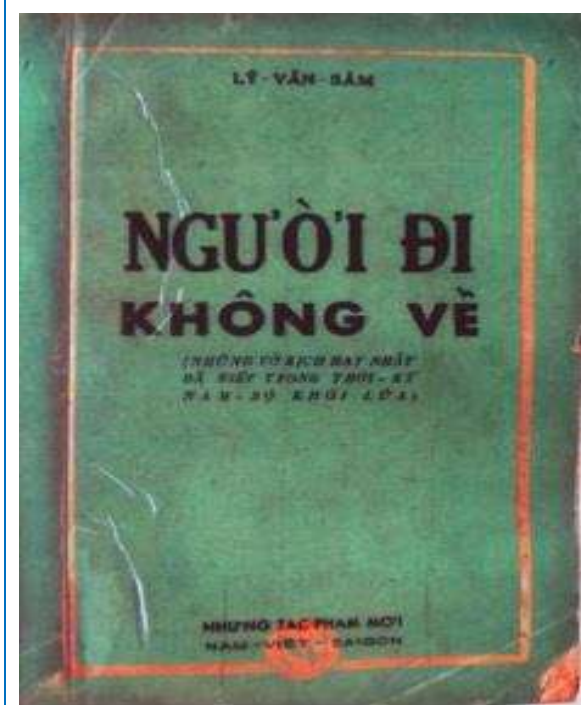
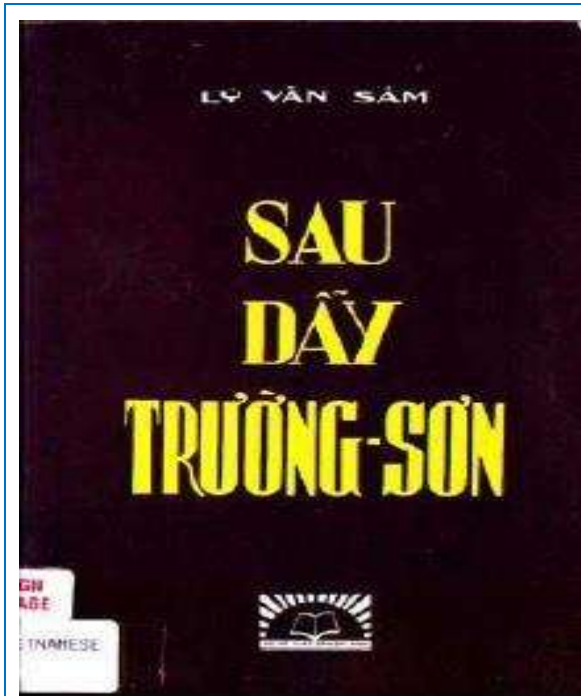
Đường nhà văn Lý Văn Sâm bắt đầu từ đường Đồng Khởi đến Ban Quản lý ruộng đất (cũ), thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Con đường xây dựng trải nhựa rộng 9m, thông thoáng, giao thông thuận lợi, giúp

cải thiện đời sống của người dân phường Tam Hiệp nói riêng và Đồng Nai nói chung. Trên đường nhà văn Lý Văn Sâm là nơi tọa lạc nhiều cơ quan như Trường tiểu học Tam Hiệp A, nhiều nhà máy công ty, xí nghiệp,...



2.6. Hình ảnh số tác phẩm chính tiêu biểu của nhà văn Lý Văn Sâm:







3. Cảm nhận và ý nghĩ nhận thức của tác giả đối với nhân vật:

Trước tiên tôi xin cảm ơn Ban tổ chức hội thi văn hóa lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2016 đã tạo điều kiện cho tôi có cơ hội tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà văn Lý Văn Sâm, dù chưa một lần được tiếp xúc nhưng khi tìm hiểu thông tin, đọc các tác phẩm của ông để lại giúp tôi có cái nhìn toàn diện, khách quan và sâu sắc về những công lao mà ông đã cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn chương của Đồng Nai nói riêng và Việt Nam nói chung

3.1. Cảm nhận của tác giả đối với nhà văn Lý Văn Sâm:

Ông là gương mặt độc đáo của văn chương Nam bộ nói chung và của Đồng Nai nói riêng. Nếu như miền Tây Nam Bộ mệnh mông sông nước phù sa là “mỏ quặng” giàu có để nhà văn Sơn Nam suốt đời khai thác thì miền Đông đất đỏ với những cánh rừng ngút ngàn bí ẩn là chất liệu cho nhà văn Lý Văn Sâm. Ông là người chiến sĩ cách mạng có nhiều đóng góp vào cuộc kháng chiến của dân tộc với cả hai tư cách chiến sĩ- nghệ sĩ hoạt động trong thời kỳ kháng chiến chống

Pháp và chống Mỹ, các tác phẩm xuất sắc của ông đã gieo vào lòng độc giả đương thời nhiều ấn tượng tốt đẹp, khơi dậy những khát vọng và hướng họ đến với con đường tranh đấu, con đường cách mạng.

Với bút pháp đa dạng, ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ, khi xây dựng hình ảnh những con người kháng chiến, nhà văn dựng lại những con người ấy một cách chân thật, giản dị nhưng cũng không kém phần cao đẹp. Họ mang dáng dấp những bạn bè, đồng chí, những người đã sống và chiến đấu cùng ông. Với tất cả sự ngưỡng mộ và cảm phục Lý Văn Sâm đã dành những lời lẽ đẹp nhất để ca ngợi họ cả trong lúc sống hay khi đã phải ngã xuống trên đường thực thi sứ mạng “lấp bằng vực thẳm”.

Các tác phẩm truyện đường rừng của Nhà văn Lý Văn Sâm tái hiện sinh động thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và cuộc sống của những con người nghĩa hiệp, trọng tình nghĩa nơi núi rừng Đông Nam Bộ. Qua đó, ông gửi gắm khát vọng về tự do, công bằng xã hội, lời kêu gọi tranh đấu và những tư tưởng nhân văn sâu sắc về con người và cuộc sống.

Bản thân ông cũng là người tham gia vào cuộc kháng chiến, có điều kiện gặp gỡ và tiếp xúc gần gũi với những con người yêu nước mộc mạc trên chính mảnh đất quê hương. Trong nhiều truyện ngắn của mình, bằng việc xây dựng một thế giới nhân vật đa dạng, sống động, vừa gần gũi vừa cách xa, nhà văn đã phác họa rõ nét chân dung của những con người bộc trực, thẳng thắn pha chút ngang tàng, nghĩa hiệp đúng như bản chất của người dân nơi đây. Đó là hình ảnh những người trí thức, những người phụ nữ, những người nông dân và bao trùm lên tất cả là hình ảnh những con người kháng chiến. Đó không chỉ là những con người dũng cảm, anh hùng trong chiến đấu, kiên định trước kẻ thù mà còn là những con người nhân hậu thủy chung, nghĩa tình với đồng bào, đồng đội. Những con người ấy là kết tinh về đẹp tâm hồn con người ở vùng đất giàu nghĩa khí và truyền thống,

vùng đất miền Nam trung dũng kiên cường, chịu thương chịu khó, đi trước về sau. Chính những con người ấy hóa thân thành những nhân vật văn học sinh động, phong phú và lung linh trong truyện ngắn Lý Văn Sâm. Góp phần thể hiện ước mơ, khát vọng của nhà văn. Đồng thời cung cấp cho người đọc cái nhìn thấu suốt về bức tranh xã hội toàn cảnh những năm kháng Pháp ở vùng đất Đồng Nai. Và nếu như thi tướng Huỳnh Văn Nghệ với những vần thơ vừa trữ tình vừa hào khí vang vọng từ chiến khu xanh miền Đông thì nhà văn Nhà văn Lý Văn Sâm lại là người kể chuyện duyên dáng, lãng mạn và cũng đầy hào hùng về vùng đất huyền thoại này.

Tôi ngưỡng mộ nhân cách sống của ông. Một trí thức hết mực yêu mến quê hương đất nước, ông từng là đại biểu Quốc hội, là Tổng thư ký Hội văn nghệ giải phóng, là Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai... Dù làm quan cao chức trọng trong kháng chiến, trong thời bình hay cuối đời người trí thức ấy không khoắc cho mình cái thường thấy của một tầng lớp có khá đông người tự cho là mình có vị trí cao trong xã hội. Hình ảnh người anh dáng xanh gầy, nhưng đôi mắt chứa đầy nhiệt tình của người nghệ sĩ, đến cuối đời làm một nhà văn bình thường nhưng ông sống rất giản dị chân tình và nhẹ tênh với bao cám dỗ của danh vọng, tiền tài. Đối với ông, viết văn là nghiệp mà ông đã đeo đuổi suốt cuộc đời. Trong những tháng năm tuổi già sức yếu nhà văn Lý Văn Sâm viết rất nhọc nhằn, nhiều khi ông suy nghĩ *“mình phải viết gì đây, viết cái mới sao bằng lớp trẻ bây giờ”*. Ông nói với nhà văn trẻ Nguyễn Đức Thọ: *“Văn chương có nhiều loại lắm nghe Thọ, văn chương chính đạo là thứ văn khó làm nhất nhưng đó mới chính là con đường nhà văn đeo đuổi. Bây giờ chú muốn viết mà không viết nổi, nghĩ cũng buồn...”*

3.2. Ý nghĩ nhận thức của tác giả:

Lý Văn Sâm là nhà văn có phong cách. Sáng tác của ông có sự đa dạng về thể tài. Nhưng dù viết về thể tài nào, tác phẩm của ông đều thể hiện sự “mục

thước, nhẹ nhàng, sự kiện không quá đáng”, “giọng văn nhẹ nhàng, bay bướm, trôi chảy, gợi cảm và đi thẳng vào tâm tư người đọc”. Chính nét riêng ấy giúp cho các tác phẩm của Lý Văn Sâm có sức sống bền lâu trong lòng người đọc. Gần năm mươi năm cầm bút, ông Lý Văn Sâm gần như đã dành trọn cuộc đời mình cho nghề văn. Bằng thái độ lao động nghiêm túc, bằng tâm huyết của một người có lương tâm nghề nghiệp, cùng với quan niệm **“Viết cũng là kiến thiết. Viết cũng là cải tạo”**, Lý Văn Sâm đã không ngừng tìm tòi, khám phá và thực hiện trọn vẹn chức trách của người cầm bút.

Hơn một trăm tác phẩm, rất phong phú về nội dung và đa dạng về thể loại, cùng với những đóng góp về mặt lịch sử, xã hội, Lý Văn Sâm đã có một vị trí nhất định trong tiến trình phát triển của nền văn nghệ miền Nam.

Đến nay, Nhà văn Lý Văn Sâm đã không còn, nhưng ông đã có đóng góp xứng đáng cho nền văn học dân tộc và chúng tôi là người được thụ hưởng những thành quả to lớn của người đi trước để lại. Với những thế hệ trước, tình yêu quê hương của tuổi trẻ đã được chứng minh rất rõ với rất nhiều những tấm gương chiến đấu, lao động vì nghệ thuật và hy sinh trong các cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, đất nước đã hòa bình nhưng trách nhiệm đặt lên vai thế hệ trẻ chúng tôi với nhiệm vụ xây dựng đất nước không hề giảm, nhưng nó khác rất nhiều so với thời chiến. Tôi nghĩ mỗi cán bộ, những người trẻ tuổi.. trước tiên hãy trau dồi kiến thức học hỏi, làm thật tốt nhiệm vụ của mình... đó cũng chính là một phần trách nhiệm, sự cống hiến cho Tổ quốc. Bên cạnh đó phải có một nhận thức, tư tưởng tốt, đủ để hành động đúng đắn, bởi chúng tôi thế hệ sau đang đứng trước rất nhiều thử thách của các âm mưu diễn biến hòa bình.

Ai cũng biết văn hóa nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng không thể trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng những tác phẩm thực sự có giá trị chính là tài sản văn hoá vô giá của một địa phương, đất nước. Văn hoá xuống

cấp dẫn đến đạo đức xuống cấp, gây nên bao hệ lụy cho xã hội. Vì quan tâm đến phát triển kinh tế mà nhiều năm nay có những địa phương ít quan tâm đến xây dựng văn hoá. Sự thiếu hụt của đội ngũ sáng tạo kế thừa là lẽ tất nhiên.

Theo suy nghĩ của tác giả: Muốn văn hoá phát triển, ngoài năng khiếu và nỗ lực tự thân của người sáng tác thì còn cần sớm có sự quan tâm của các cơ quan chức năng bằng những chương trình hành động cụ thể: Xây dựng con người văn hóa chính là giải pháp nhằm tăng cường sức đề kháng trước những tác hại của các loại sản phẩm văn học nghệ thuật xấu; chăm lo, củng cố đội ngũ văn nghệ sĩ và đẩy mạnh đầu tư cho sáng tạo văn học nghệ thuật hỗ trợ văn học nghệ thuật, để kích thích, tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đầu tư có chiều sâu, trọng điểm vào các tác phẩm, chủ đề cần quan tâm như: Cách mạng-kháng chiến, thiếu nhi, viết về đồng bào các dân tộc thiểu số.. quan tâm bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, lý tưởng cách mạng, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước; đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động sáng tác; có chính sách hỗ trợ quảng bá, giới thiệu tác phẩm nghệ thuật đến với công chúng trong nước và ngoài nước, thực hiện tốt công tác ngoại giao văn hóa.

Một tác phẩm muốn sống được trong lòng bạn đọc thì phải xuất phát từ thực tiễn cuộc sống và nâng tầm thành nghệ thuật. Vì vậy, điều quan trọng vẫn là mỗi tác giả phải tự xác định cho mình hướng đi phù hợp, tài năng mà thiếu rèn luyện, bồi dưỡng, thiếu chăm chút thì tác phẩm cũng không thể vươn tới những giá trị đích thực. Chỉ có sáng tạo bằng khát vọng và cái nhìn tinh tế thì các tác phẩm mới có được chỗ đứng thực sự của nó.

Miền Đông Nam Bộ với hạt nhân là tỉnh Đồng Nai vốn giàu truyền thống văn hoá, nhất là văn học, từng có những tên tuổi lớn để lại cho đời những tác phẩm đặc sắc như Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bôn và nhiều văn nghệ

sĩ khác. Đóng góp của họ là tài sản tinh thần quý giá góp phần tạo nên diện mạo nền văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà hiện nay. Chúng tôi là thế hệ kế tiếp cần noi theo các bậc tiền bối, không ngừng học tập, mang hết nhiệt huyết, tài năng, trí tuệ, tâm huyết để sáng tạo ra nhiều hơn nữa những tác phẩm có giá trị về tư tưởng, đạo đức và nghệ thuật góp phần làm cho vườn hoa văn học nghệ thuật của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngày càng thêm giàu hương sắc, đóng góp xứng đáng vào nền văn học nghệ thuật của cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Bôn (2000), Lượm cái hoa rơi (tập ký), Nxb. Đồng Nai
2. Bùi Quang Huy (2001), Gió bãi trắng ngàn, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
3. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 1), Nxb. Tổng hợp ĐNai.
4. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 2), Nxb. Tổng hợp ĐNai.
5. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập (tập 3), Nxb. Tổng hợp ĐNai.
6. Bùi Quang Huy (2002), Trang sách hồng nở giữa đời hoa, Nxb. Tổng hợp ĐNai
7. Bùi Quang Huy (2005), Lý Văn Sâm nhà văn đường rừng, Nxb. Tổng hợp ĐNai
8. Bùi Quang Tú (2003), “Có ba con người trong Lý Văn Sâm”, Văn nghệ số 4126, 01/2013.
9. Huỳnh Văn Tới (Chủ biên, 1998), Người Châu Ro ở Đồng Nai, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
10. Bùi Quang Huy (2002), Lý Văn Sâm toàn tập, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
11. Bùi Quang Huy (1992), Tuyển tập Lý Văn Sâm, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
12. Bùi Quang Huy (1991), “Lý Văn Sâm và những đóng góp xuất sắc về văn học”, Báo Văn nghệ Đồng Nai, số 16/4/1991.
13. Bùi Công Thuấn (2009), “Lý Văn Sâm và hành trình tìm kiếm nhân vật lý tưởng”, www.4phuong.net
14. Vũ Tùng (2011), “Nhà văn Lý Văn Sâm - Một tên tuổi rất đáng trân trọng”, www.nhavantphcm.com.vn
15. Thu Trân (2007), “Bùi Quang Huy và nghĩa cử của kẻ hậu sinh”, www.tuoitre.vn.
16. Phạm Sỹ Sáu (2013), “Nhà văn Lý Văn Sâm: Người kể chuyện một mình”, www.antgct.cand.com.vn
17. Sách “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai”
18. Sách “Địa chí Đồng Nai”;
19. Sách “Đồng Nai di tích lịch sử - văn hóa”
20. Sách “Hào khí Đồng Nai”;
21. Sách “Người Đồng Nai”;

PHỤ LỤC

TÁC PHẨM CỦA NHÀ VĂN LÝ VĂN SÂM

I. Thể loại truyện ngắn và truyện vừa:

1. Cây nhị phổ
2. Chuông rung trên tháp đồ
3. Tiếng đàn sông Phố
4. Lạc loài
5. Mưa Sài Gòn
6. Rửa hờn
7. Ngoài mưa lạnh
8. Thèm một ngọn đèn
9. Ngàn sau sông Dịch
10. Nắng bên kia làng
11. Tràn một mùa thơ
12. Vực thẳm
13. Một cốt truyện mới
14. Đờn chìn-Kha-La
15. Ngày ra đi
16. Oan gia
17. Tàn một mùa ve
18. Nửa mảnh ngân tiền

19. Một con chó sủa hóng chiều ba mươi tết
20. Trời như muốn sáng
21. Kiếp này thôi đã lỡ
22. Sóng vỗ bờ xa
23. Ma ní bửu châu
24. Nợ nước thù nhà
25. Hồn Do Thái
26. Một chuyện oan cừu
27. Người ra đi
28. Qua bến lạnh
29. Đìu hiu lau lách
30. Khi rừng thay lá
31. Mười năm thương nhớ
31. Thù nhà nợ nước
32. Mười lăm năm hận sử
33. chiếc vòng ngọc thạch
34. Ngoài mưa lạnh
35. Sau dãy Trường Sơn
36. Nắng bên kia làng
37. Cỏ mọn hoa hèn
38. Sóng vỗ bờ xa
39. Trong cơn loạn ly

40. Sương gió biên thù
41. Mây trôi về Bắc
42. Đường vào đất Thục
43. Hoàng hôn sắc tím
44. Sa Mù
45. Trăng Sa Mát
46. Voi đội đèn
47. Ngăn rạch bắt sấu
48. Chớp bể mưa nguồn
49. Sứ mạng
50. Chuyện một đàn cò trắng
51. Tiếng rên trong rừng lạnh
52. Gió bãi trắng ngàn
53. Xin đắp mặt tôi mảnh lụa hồng
54. Sóng vỗ bờ xa
55. Văn Phay Khửn
56. Kiếp này thôi đã lỡ
57. Bến xuân
58. Đất khách
59. Trong cơn li loạn

II. Thể loại truyện hồi ức:

1. Cà Ngá

2. Chuyện người thổi sáo ở Bến Xuân
3. Chuyện ấy đã qua rồi
4. Bến xuân
5. Thâm u và cao cả

III. Thể loại kịch:

1. Đi chơi tết
2. Người đi không về
3. Trùng dương
4. Trong một ngày vui
5. Nham hiểm
6. Một bi kịch đã hạ màn
7. Nửa mảnh trăng thề
8. Sâu bệnh
9. Sa Mạc
10. Đường vào sứ Phật
11. Vàng

III. Thể loại truyện đường rừng:

1. Kòn Trô,
2. Rồng Bay trên núi Gia Nhang,
3. Mũi tổ
4. Xác Mu mi trên núi đá,
5. Răng Sa Mát
6. Thần Ngư Động

IV. Thể loại bài ký:

1. Chiếc “mùng lé” của con trai tôi Nguyễn Phương Danh - một người nghệ sĩ đặc biệt
2. Huỳnh Văn Nghệ, chiến sĩ – thi sĩ
3. Một nhà thơ đã khuất

4. Mồ anh hoa nở
5. Sự tích “đội văn công bỏ túi”
6. Người chết còn trẻ mãi
7. Chuyện kể từ một bài thơ
8. Ở Trị An những năm tháng ấy
9. Địa Ngục và ánh sáng
10. Con tầm dẫu thác vẫn còn vương tơ
11. Ngày hội lớn của những bông hồng Việt Nam
12. Lá thư năm mới
13. Gửi anh bạn nhà văn cùng quê
14. Một bài thơ một cuộc đời

V. Thể loại tạp văn:

1. Tôi viết văn
2. Truyện ngắn đầu tay của tôi
3. Về một truyện ngắn cách đây ba mươi sáu năm
4. Một truyện ngắn “nguy hiểm”
5. Tầm vóc hôm nay trong con người và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu
6. Một địa chỉ than yêu
7. Văn nghệ giải phóng số đầu tiên
8. Nguyễn Đình Chiểu với Đồng Nai
9. Vĩnh biệt anh Nguyễn
10. Thành phố Biên Hòa bảy mươi năm về trước
11. Mã đà sơn cước
12. Tết Biên Hòa năm kỷ ty (1929-1930)
13. Người Biên Hòa với ngày Nam bộ kháng chiến
14. Sự tích chùa Thủ Huồng
15. Câu chuyện đằng sau đình Tân Lân
16. Một buổi biểu diễn văn công không có tác giả
17. Thủ môn bất đắc dĩ

18. Bây giờ thì ...ngon rồi
19. Bao cấp xe hơi
20. Trao đổi với nhà văn Lý Văn Sâm

VI. Thể loại thơ:

1. Một mình bên thác nước
2. Chuyện riêng
3. Nhân sinh thất thập

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



BÀI DỤ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2016

THÔNG TIN NGƯỜI DỤ THI:

Họ và tên : **Trần Thị Huỳnh Hương** Giới tính. Nữ
Ngày sinh : Ngày 08 tháng 12 năm 1978
Quê quán : Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không
Thường trú tại : C18 Tổ 8C Ấp Đồng Nai, xã Hóa An TP. Biên Hòa
Số điện thoại : 0918745236 Email: hoangkhangnhi@yahoo.com
Hiện công tác tại: TP. Kế hoạch - Tài chính, Sở KH&CN Đồng Nai
Địa chỉ công tác : Số 1597, Phạm Văn Thuận, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : 0613822297 (3636) Fax: 0613 285585

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2016 là năm có ý nghĩa chính trị quan trọng của đất nước, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 diễn ra vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt không chỉ mang tầm của một sự kiện chính trị quan trọng bậc nhất của đất nước mà ngày bầu cử (22/5/2016) vừa qua còn là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý, dân chủ sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đây cũng là cơ hội để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua việc lựa chọn, bầu ra những người tiêu biểu, có đức, có tài, xứng đáng đại diện cho nhân dân tại Quốc hội và HĐND các cấp.

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá - lịch sử Đồng Nai năm 2016 với mục đích nhằm chào mừng thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 và tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hiểu rõ hơn về những giá trị văn hóa - lịch sử của những nhân vật, sự kiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử và văn hóa của quê hương, đất nước; nâng cao hơn nữa niềm tin và lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ; cổ vũ quyết tâm chính trị của toàn thể đội ngũ cán bộ, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ quê hương, đất nước.

Với tư cách là thí sinh tham gia hội thi, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới Ban Tổ chức hội thi Hội thi tìm hiểu giá trị văn hoá – lịch sử Đồng Nai đã tạo nên một sân chơi lành mạnh và có ý nghĩa, Ban Lãnh đạo Sở đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hình thành những ý tưởng, nắm và hiểu rõ nội dung của bài viết, cảm ơn

các đồng nghiệp và bạn bè đã có sự phối hợp, trao đổi, giúp đỡ tôi hoàn bài cảm nhận này.

Chúc cho Hội thi thành công tốt đẹp và đạt nhiều kết quả cao.

Trân trọng ./.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2016

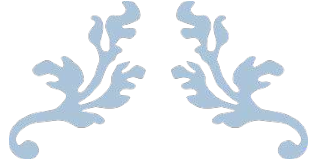
Tác Giả

Trần Thị Huỳnh Hương

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	Trình bày câu hỏi số 01	01
1	Lý do chọn nhân vật:	01
2	Tóm tắt tiểu sử thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872):	03
3	Những cảm nhận sâu sắc của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa: .	13
4	Tri ân của thế hệ sau đối với nhà thơ yêu nước Bùi Hữu Nghĩa:.....	21
5	Cảm nhận của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:	24
5.1	<i>Cảm nhận sâu sắc của tác giả đối với nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:....</i>	24
5.2	<i>Học tập và noi theo tấm gương danh nhân văn hóa Bùi Hữu Nghĩa:</i>	26
5.3	<i>Đóng góp ý kiến đối với các ngành các cấp:</i>	27
5.3.1	<i>Chương trình giáo dục trong nhà trường:</i>	27
5.3.2	<i>Công tác bảo tồn, trưng bày hiện vật văn hóa lịch sử:</i>	28
5.3.3	<i>Kết hợp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá cho phát triển du lịch tỉnh nhà:</i>	29
5.3.4	<i>Thiết lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc của tỉnh Đồng Nai:.....</i>	30
5.3.5	<i>Tổ chức in ấn và phát hành các ấn phẩm về danh nhân của địa phương:.....</i>	31
	<i>Tài liệu tham khảo:.....</i>	32
	Trình bày câu hỏi số 02	
1	Lý do chọn nhân vật:	32
2	Nhà văn Lý Văn Sâm - cuộc đời và sự nghiệp văn chương:.....	33
2.1	<i>Thời niên thiếu:</i>	33
2.2	<i>Thời kỳ trưởng thành, tham gia cách mạng và sáng tác:.....</i>	38
2.3	<i>Thời kỳ thực hiện trọng trách với vai trò đại biểu Quốc hội khoá VI nước CHXHCN Việt Nam (1976-1981):</i>	43
2.4	<i>Thời kỳ đất nước hòa bình, thống nhất và những năm cuối đời:</i>	45
2.5	<i>Sự nghiệp văn chương của Nhà văn Lý Văn Sâm qua sự đón nhận của công chúng:</i>	47
2.6	<i>Hình ảnh số tác phẩm chính tiêu biểu của nhà văn Lý Văn Sâm: ...</i>	54

3	Cảm nhận và ý nghĩa nhận thức của tác giả đối với nhân vật:	57
3.1	Cảm nhận của tác giả đối với nhà văn Lý Văn Sâm:	57
3.2	Ý nghĩa nhận thức của tác giả:.....	60
	Tài liệu tham khảo:.....	62
	Phụ lục:.....	63



CÂU HỎI SỐ 01

Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo ?



TRÌNH BÀY CÂU HỎI SỐ 01:

1. Lý do chọn nhân vật:

Tôi sinh ra và lớn lên tại xã Ấp Tân Hóa - xã Hóa An, đây là nơi thuộc vùng ngoại ô thành phố Biên Hòa và trong mỗi con người ai cũng có kỷ niệm về tuổi thơ mình đã trải qua, khi tôi còn là học sinh cấp 2, sau giờ học chính thức ở trường, tôi có những buổi học thêm cùng bạn bè tại nhà cô giáo dạy môn Toán và môn Văn tại địa bàn xã Tân Hạnh. Con đường quen thuộc hằng ngày tôi đi nói quốc lộ 1A đi qua các phường Tân Vạn, xã Bửu Hòa, xã Hóa An và xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) gắn liền với tên tuổi của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa.



Ảnh: Trường Mầm non Thế giới Ánh Dương
(Đường Bùi Hữu Nghĩa - TP. Biên Hòa)

Nhưng thời điểm ấy tôi chưa ý thức và cảm nhận gì nhiều về nhân vật này.

Hai mươi năm sau cũng trên con đường quen thuộc này tôi tiếp tục đưa con gái của mình đến trường hằng ngày đó là Trường mầm non Thế giới Ánh Dương địa chỉ số 1554, Đường Bùi Hữu Nghĩa, Xã Tân Hạnh, Thành phố Biên Hòa. Mỗi ngày đưa con đến trường câu chuyện thính thoảng tôi thường nói cho con gái của mình “ *Con có biết tên con đường mình đang đi là gì không, mẹ nói con nghe và*

con nhớ khi ai hỏi con biết mà trả lời” hay “ Tên con đường mình đang đi là tên một nhà thơ, một người ông học rất giỏi và yêu quê hương mình ông tên là Bùi Hữu Nghĩa”. Cũng câu chuyện mẹ con cùng nói với nhau và con tôi chợt hỏi “Vậy mẹ ơi, có trường nào tên là Bùi Hữu Nghĩa không vậy, con muốn sau này con lớn mẹ cho con đi học ở ngôi trường có tên ông để con cũng học giỏi như ông”.



Ảnh: Trường phổ thông trung học Bùi Hữu Nghĩa

Từ câu hỏi ngô nghê của con trẻ, để có thông tin và kể thật nhiều cho con nghe về nhân vật mà nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai quyết định lấy tên ông để đặt tên cho con đường mà hằng ngày mẹ con tôi thường đi qua đó là thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa một tấm gương hiếu học, có đức tính thanh liêm, chính trực, khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bất công...một người con sinh ra ở một làng quê nghèo xa xôi vùng sông nước thế mà phải đi học xa rồi đỗ đạt, làm quan, thật đáng quý trọng biết dường nào.

2. Tóm tắt tiểu sử thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872):

Ông Bùi Hữu Nghĩa, trước có tên là Bùi Quang Nghĩa, hiệu Nghi Chi. Ông sinh năm Đinh Mão (1807) tại làng Long Tuyền, tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Ông xuất thân từ một gia đình lao động lam lũ. Cha ông là ông Bùi Hữu Vị, làm nghề chài lưới. Tuy gia đình không được giàu có, nhưng song thân quyết tâm tạo điều kiện cho ông ăn học. Thấy ông có bản tính thông minh lại hiếu học, nên



Ảnh: Tượng Bùi Hữu Nghĩa tại Bảo tàng TP. Cần Thơ

mới trình bày gia cảnh với ông xã trưởng Ngô Khắc Giản, để nhờ giúp đỡ. Ông Bùi Hữu Nghĩa được ông Giản đồng ý đỡ đầu, giới thiệu ông lên Biên Hòa để thọ giáo với thầy đồ Hoàn, tức Ông Nguyễn Phạm Hàm (một cộng sự viên của thủ lãnh Lê Văn Khôi, con của Tả Quân Lê Văn Duyệt).

Trong thời gian học tại Biên Hòa, Ông ở trọ nhà ông Nguyễn Văn Lý, làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa).

Nhờ đức tính khiêm tốn, biết kính trọng và giúp đỡ người lớn, ông Bùi Hữu Nghĩa được gia đình Ông Lý thương mến giúp đỡ. Ông có nơi ăn học và được



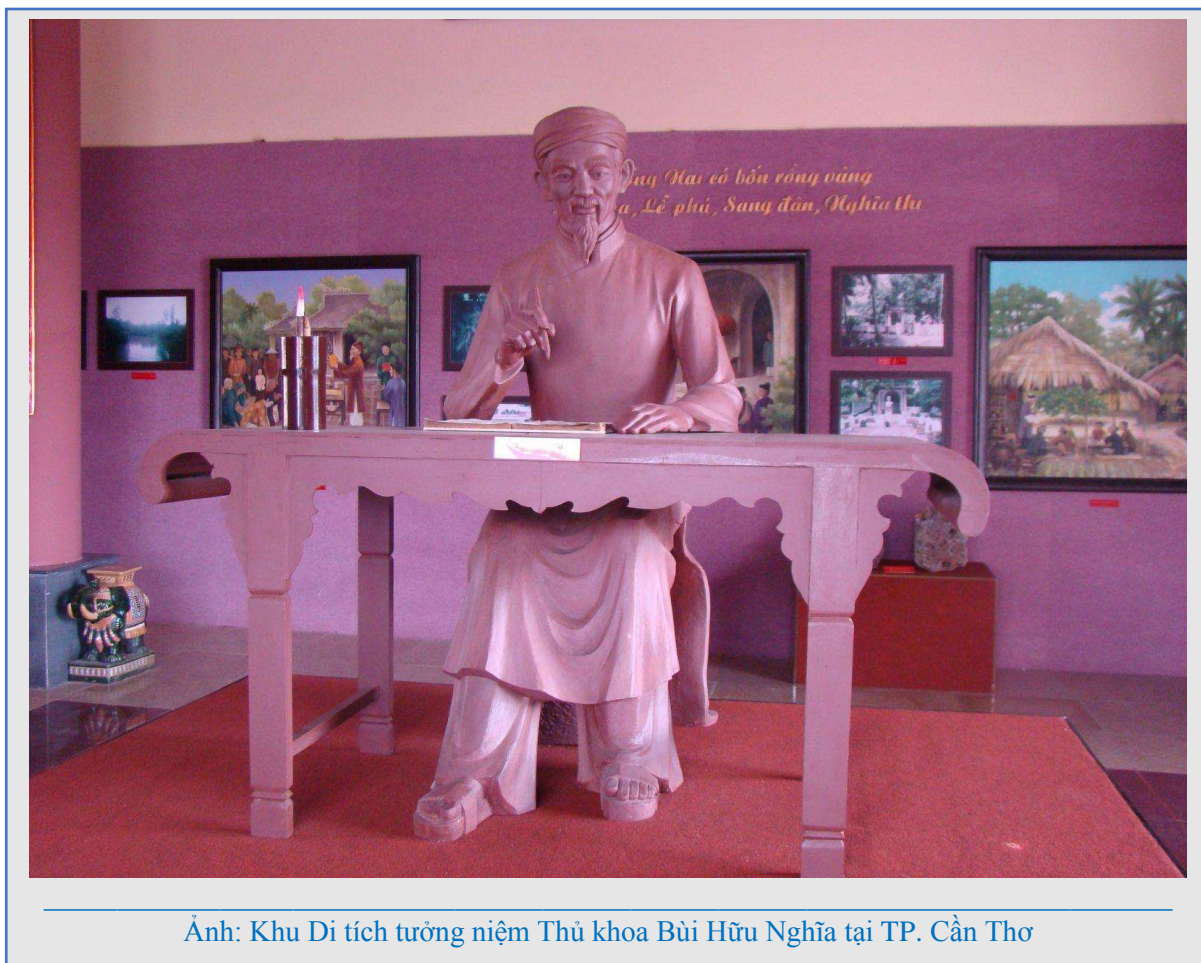
Ảnh: Bên trong căn nhà xưa của bà Nguyễn Thị Tồn tại KP 4, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa

thầy dạy tận tình, nên việc học hành của Ông rất tiến bộ, vượt bậc hơn các bạn đồng môn. Tháng 02 năm Ất Vị (1835), Bùi Hữu Nghĩa tham dự khoa thi Hương tại Trường thi Gia Định và đã đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu/thủ khoa). Khi đó ông Lý tỏ ý gả con là Nguyễn Thị Tồn cho, nhưng ông xin khát lại chờ thừa qua cha mẹ.

Từ đây, danh tiếng của Ông vang lừng khắp lục tỉnh. Trong dân gian, thường gọi là Ông Thủ Khoa Nghĩa cho gọn, thay vì gọi Ông Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa đất Long Tuyền (Thành phố Cần Thơ).

Mới 28 tuổi, nhưng danh tiếng của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đất Long Tuyền đã vang lừng khắp lục tỉnh. Một năm sau (năm Bính Thân 1836), Ông đi

dự thi Hội ở Huế, nhưng không may thi rớt. tuy vậy, Ông vẫn được vua Minh Mạng ưu ái cho lưu lại Triều đình Huế làm tập sự tại Bộ Lễ Một thời gian rồi được cử đi sứ sang Trung Quốc.



Khi trở về nước, Ông Bùi Hữu Nghĩa được bổ nhiệm làm Tri huyện Phước Chánh, thuộc phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Thời gian này, Ông kết hôn cùng cô Nguyễn Thị Tồn, con gái cụ Nguyễn Văn Lý.

Tuy làm quan lớn, nhưng Ông Bùi Hữu Nghĩa luôn giữ mình thanh liêm, chính trực. Nhiều lần xử kiện, Ông luôn giữ thái độ công chính liêm minh, bênh vực quyền lợi chính đáng của người nghèo, Ông đã mắng kẻ hối lộ, nghiêm trị kẻ gian. Lối xử ấy của Ông đã làm hạ uy tín bọn tham quan ô lại, không được lòng

các quan trên. Chính vì thế Ông bị đày xuống làm Tri Huyện Trà Vang (nay là Trà Vinh).

Thuở ấy phủ Trà Vang (nay là Trà Vinh) thuộc tỉnh Vĩnh Long, dưới quyền cai quản của Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyen. Là một kẻ sĩ tự vượt khó lập thân, ông tỏ ra “dị ứng” với đám quan lại dốt nát, tha hóa nhưng leo cao nhờ thân thế, nhờ luồn cúi. Tệ hơn nữa là bọn họ chỉ lo gây bè kết phái, cấu kết nhau bày vẽ hòng sách nhiễu dân lành vốn đã thừa khốn khó trong buổi loạn ly...

Một lần do tánh cương trực, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã cho lính đánh đòn một cậu công tử xác xược với Ông, trong khi đó cậu công tử đó vốn là em vợ Bố chánh Truyen và Ông đã chuốc lấy mối hiềm thù...



Ảnh: Biểu tượng chùa Khơ Me tại TP. Trà Vinh

Nhắc lại chuyện cũ, đầu thế kỷ 19 - Trà Vang là một địa bàn cộng cư của cả người Kinh, người Hoa nhưng đông nhất là người Khơ-me. Những lúc bôn tẩu vì quân Tây Sơn rượt đuổi, Nguyễn Ánh được những người gốc Khơ-me ở đây giúp đỡ lương thực; lại có một số dân vào lính

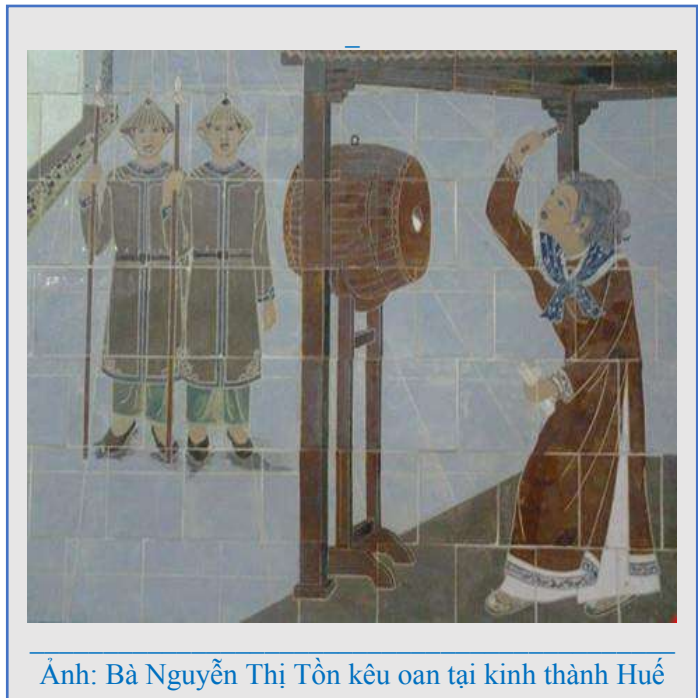
lập được công lao, nên khi lên ngôi thì vua Gia Long (Nguyễn Ánh) nhớ ơn, xuống chiếu miễn thuế khai thác thủy sản cho vùng này.

Vậy mà, vào năm 1848 có một số người gốc Hoa đã lót tay bằng “phong bì” với những quan trên ở Vĩnh Long như Tổng đốc Uyên và Bố chánh Truyen để “mua thầu” độc quyền khai thác cá tôm ở rạch Láng Thè, đẩy người dân Khơ-me vốn nghèo thêm lâm vào cảnh trắng tay.

Lẽ ra đây chỉ là một vụ việc nhỏ, có thể giải quyết một cách ôn hòa, nhưng do cái tâm luôn hướng về dân nghèo và quá bất bình trước việc làm khuất lấp, thỏa thuận ngầm của các quan trên, nên khi các hương mục Khơ-me kéo đến khiếu kiện ở dinh môn, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã có bút phê vào đơn một câu gây hậu quả hết sức nghiêm trọng: “Việc tha thuế thủy lợi là ơn huệ của vua Thế Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà dám đứng bán rạch ấy, thì có chém đầu nó cũng không sao!”.

Dân nghèo gốc Khơ-me từ lâu bị dày xéo như giun dế, nghe lời phán xử, bèn hè nhau đến phá đập của những người gốc Hoa và hai bên xảy ra một cuộc xô xát đẫm máu làm thiệt mạng 8 người gốc Hoa.

Thế là, bọn quan tỉnh đã sẵn mối hiềm khích từ trước nên nhân cơ hội này cho bắt một số người có liên quan và bắt luôn Ông Bùi Hữu Nghĩa tạm giam ở Vĩnh Long rồi giải về Gia Định, đệ sớ lên triều đình tố cáo Ông đã kích động dân Khơ-me làm loạn, lạm phép giết người. Triều đình truyền án tử hình Ông Bùi Hữu Nghĩa theo sớ trình của các quan đầu tỉnh, không xem xét thẩm tra truy cứu.



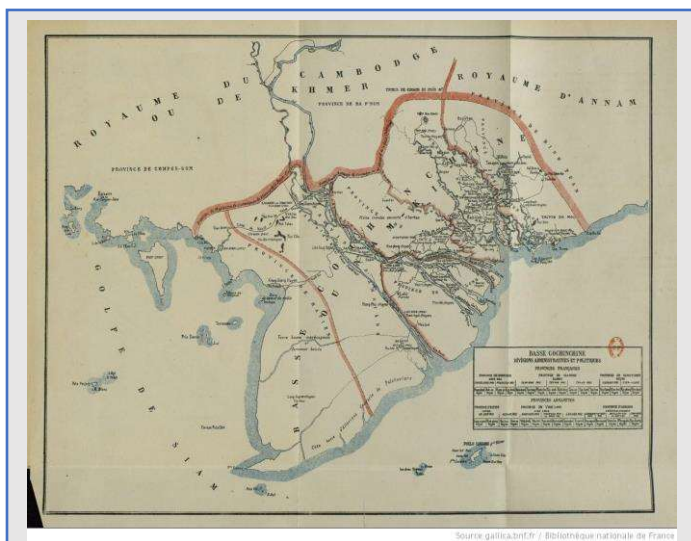
Ảnh: Bà Nguyễn Thị Tồn kêu oan tại kinh thành Huế

Và khi hay tin triều đình kết tội chết cho chồng, bà Nguyễn Thị Tồn, vợ ông nhờ người em bạn dì là Quản Kiệm tìm cách tạm lùì ngày thi hành chiếu chỉ để bà có đủ thời giờ quá giang ghe bầu từ Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang)

vượt vô vàng hiểm nguy, sóng gió ra tận kinh đô Huế đánh trống, đội đơn kêu oan.

Bấy giờ, Phan Thanh Giản đang làm Thượng thư bộ Lại ở triều đình. Bà Thủ khoa tìm đến tư dinh cụ Phan trình bày sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh Long, rồi nghe theo lời khuyên, bà đến Tam pháp ty giống trống “kích cổ đăng vãn” kêu oan cho chồng, nêu cao một tấm gương “Liệt phụ khả gia” như lời ban tặng của bà Từ Dụ thái hậu.

Được Thượng thư Bộ lại Phan Thanh Giản tận tình giúp đỡ, nhà vua sau khi cho thăm tra xem xét, đã tha tội chết cho Bùi Hữu Nghĩa. Nhưng buộc Ông phải ra trận lập công chuộc tội bằng cách đi trấn nhậm tại đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc với chức danh "Thủ Ngự". Vậy là sau gần mười năm làm quan, Ông vì đảm quan lại tha hóa ám hại nên gần như mất sạch.



Ảnh: Đồn Vĩnh Thông thuộc tỉnh An Giang trong bản đồ Nam Kỳ Lục tỉnh 1861

Ở đây, Ông có nhiệm vụ dẹp yên những cuộc "nổi loạn" của người Miên. Đồn Vĩnh Thông thuộc huyện Hà Âm, Tịnh Biên (An Giang ngày nay) là một địa danh rất hiểm trở, Ông và quân lính phải chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn gian khổ. Nhưng ông đã lập nhiều chiến công và được thăng chức phó Quản Cơ.

Chuyện kể, sau khi cứu được chồng, bà Thủ khoa từ kinh đô về đến quê hương của bà ở Biên Hòa, vì hao tổn nhiều tâm lực, khác phong thổ nên bà lâm bệnh nặng rồi mất và được an táng tại nhà cha mẹ ruột. Lúc bấy giờ Thủ khoa Nghĩa đang ở biên ải xa xôi nên khi đến nơi thì việc tống táng đã xong, ông đành

làm bài văn tế muôn, một cặp câu đối (một Hán, một Nôm) với những lời lẽ hết sức chân thật, thống thiết.

Trước cái mất mát nơi chôn quan trường, Ông Bùi Hữu Nghĩa không một lời than vãn, thì trước sự ra đi vĩnh viễn của người vợ hiền dám ra tận kinh đô kêu oan cho chồng, đã khiến ông đau đớn tột cùng.



Ảnh: Ngôi mộ gió của bà Nguyễn Thị Tồn tại quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

Tai ương liên tiếp đến với Ông Bùi Hữu Nghĩa, thật phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí. Đứa con gái đầu lòng là Bùi Thị Xiêm mất tại Phước Long lúc mới ba tuổi, đứa con trai thứ hai là Bùi Hữu Vàng cũng không nuôi được. Lúc Ông lâm nạn ở Láng Thè thì đứa con thứ ba là Bùi Hữu Tú mới chín tuổi, bà Tồn phải gửi người thân là ông Quán Kiệm trông nom để bà ra Huế kêu oan cho chồng.

Trong một lần bị tấn công bất ngờ, ông bị bắt đưa về Campuchia giam tại U Đông (Ou Dong). Nhiều người Khơ-me ở Láng Thè (Trà Vinh) hay tin đã đến kể hết đầu đuôi vụ án Láng Thè ngày nào và họ còn tha thiết xin thế mạng. Vua Campuchia lúc đó là An Đương có cảm tình với ông nên đã tha chết và cho người đưa ông về xứ. Khi về nước, Bùi Hữu Nghĩa ghé thăm quê nhà sau ba năm xa cách. Bà Nguyễn Thị Tồn đã qua đời cũng đã tròn ba năm. Đau thương đến với Bùi Hữu Nghĩa thật là vô hạn. Nhưng ông phải nén đau thương để tiếp tục phận sự nơi biên ải xa xôi.

Những ngày còn lại ở biên giới, ông tục huyền với bà Lưu Thị Hoán (Lưu Thị Chỉ) con gái ông xã trưởng Lưu Văn Dụ.

Vì mang nặng nỗi buồn gia đình, ngao ngán cảnh quan trường đầy tham nhũng bất công, sau khi về Đồn Vĩnh Thông một thời gian, Bùi Hữu Nghĩa đã gởi sớ lên triều đình xin từ chức. Sau đó, ông cùng vợ về quê ở Bình Thủy, mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, lấy biệt hiệu là "Liễu Lâm chủ nhân".

Trước cảnh đất nước lâm nguy, những người tri thức yêu nước như cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không thể khoanh tay ngồi nhìn giang sơn sa vào tay giặc Pháp, nhân dân khổ cực lầm than. Ngoài việc dạy học, chữa bệnh cứu dân lành, Bùi Hữu Nghĩa đã cùng Phan Văn Trị tham gia nhóm "Tao Đàn Bà Đồ", tham gia phong trào Văn thân chống Pháp. Tuổi cao sức yếu, không còn xông pha chiến trận, nên ông đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chống quân xâm lược và bộn tay sai bán nước, cổ vũ phong trào yêu nước của nhân dân ta.



Ảnh: Chân dung sỹ phu yêu nước Bùi Hữu Nghĩa

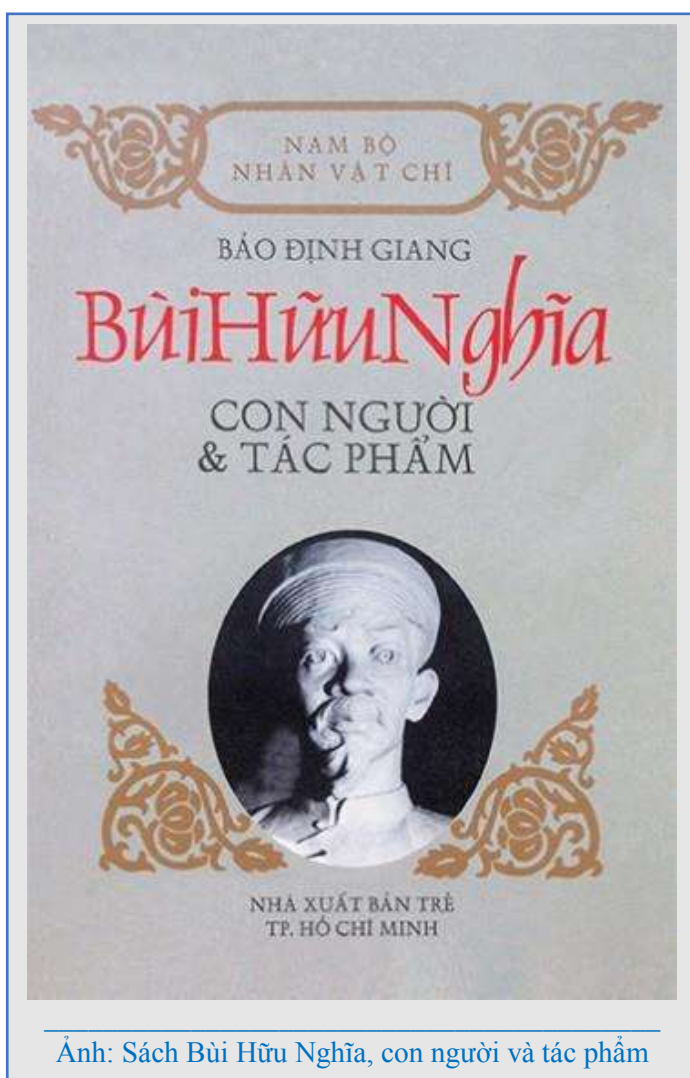
Biết Bùi Hữu Nghĩa là một sĩ phu yêu nước, đang cổ vũ nghĩa sĩ đứng lên giúp nước, trừ gian, do đó thực dân Pháp đã dùng mọi cách dụ dỗ mua chuộc ông. Nhưng Bùi Hữu Nghĩa tỏ rõ lòng yêu nước, bất khuất của người chí sĩ. Vì vậy, năm 1868 Ông bị giặc Pháp bắt ở Vĩnh Long. Sau đó chúng giải Ông về Gia Định, cho tay sai là Đỗ Hữu Phương bảo lãnh về nhà riêng tiếp đãi tử tế hòng mua chuộc

Ông. Nhưng cuối cùng bọn chúng vẫn không khai thác được gì; ngược lại, Ông còn nói thẳng với Đỗ Hữu Phương: "Đầu tôi không sợ rơi, mà chỉ sợ phải đội

chung trời với những kẻ đang thiêu đốt giang sơn này". Vì sợ dư luận lên án nên Đỗ Hữu Phương đã thông đồng với giặc Pháp để thả Ông về.

Trong mười năm về ở ẩn, Ông Bùi Hữu Nghĩa vẫn canh cánh bên lòng nỗi đau của người dân mất nước, non sông chìm trong máu lửa, Ông vẫn nuôi hy vọng ở lớp trẻ sau này sẽ gánh vác việc non sông. Vì thế Ông đã dành hết thời gian, tâm huyết của một nhà giáo đào tạo lớp học trò và khuyên họ nên học những điều tốt để trở thành người hữu ích cho dân, cho nước.

Cũng trong thời gian về ở ẩn, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã sáng tác nhiều thơ văn nói về thời cuộc. Thơ văn của Ông Bùi Hữu Nghĩa chính là tiếng nói của tâm lòng Ông, của nhân dân trong hoàn cảnh đau thương của đất nước bằng những lời lẽ giản dị, chân thật và sâu sắc. Về tuồng, Ông đã thành công và nổi tiếng với vở "Kim thạch kỳ duyên". Về thơ, có rất nhiều bài, nội dung chủ yếu vẫn thể hiện lòng yêu nước, thương dân, đúng như cuộc đời và tâm lòng Ông TRUNG - NGHĨA vậy.



Ảnh: Sách Bùi Hữu Nghĩa, con người và tác phẩm

Tuy không còn đủ sức chống chọi với cuộc đời, nhưng Ông vẫn theo dõi thời cuộc, những bước đi của dân tộc. Khi nghe tin cuộc nổi dậy của

nghĩa quân chống Pháp thất bại; vua quan nhà Nguyễn đầu hàng giặc, Ông Bùi Hữu Nghĩa không chịu đựng nổi sự đau khổ, đã qua đời vào ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân - 1872, hưởng thọ 65 tuổi.



Ảnh: Đền thờ và mộ Bùi Hữu Nghĩa sau lần trùng tu năm 1987

Ngưỡng mộ công đức của Bùi Hữu Nghĩa, nhân dân trong vùng đã lập thân chủ, bài vị tôn thờ vợ chồng ông ở đình Bình Thủy và chùa Nam Nhã. Hàng năm vào ngày 21 tháng giêng đều tổ chức lễ giỗ ông. Nhân dân ở xã Nhị Long (Càng Long, Trà Vinh) cũng đã lập đình Long Thạnh để thờ phụng Bùi Hữu Nghĩa.

3. Những cảm nhận sâu sắc của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Đó là sơ lược nội dung tìm hiểu của tôi về lịch sử của nhân vật Bùi Hữu Nghĩa qua tham khảo sách báo, các trang thông tin điện tử và không dừng lại ở đó, bản thân tôi cảm nhận sâu sắc về con người ông: Tinh thần yêu nước, đức tính thanh liêm chính trực, nặng nghĩa ân tình thể hiện qua cách làm việc, xử án và trong sáng tác văn thơ mà ông để lại:

Trong bối cảnh xã hội phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ 19, nhân dân ngày càng cùng cực dưới sự bóc lột của quan lại, cường hào địa chủ; các quan lại chỉ giỏi nghi kỵ, thâm tóm, đàn áp... nhưng lại tỏ ra hèn nhát, bất lực, không đoàn kết được dân tộc trước



Ảnh: Tượng Bùi Hữu Nghĩa tại khu trưng bày Cần Thơ

Trước hết đó là tinh thần yêu nước của Ông thể hiện xuyên suốt qua nhiều tác phẩm thơ ca, càng về sau thì tinh thần yêu nước chống giặc Pháp xâm lược và bọn quan lại hèn nhát “thủ hòa” càng mãnh liệt, tạo nên các đợt sóng ngầm vực dậy tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm trong nhân dân ta. Điển hình là tác phẩm “Ai xui Tây đến”:

*Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?
Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba
Hắn hỏi ít mặt đền nợ nước
Nháo nhác nhiều tay bận nổi nhà.
Đá sắt ôm lòng cam với trẻ
Nước non có mắt thấy cho già
Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa
Báo quốc cần vương dễ một ta?*

(Đăng trên Mítsolavê của Pétrutký - Sài Gòn 1889)

Bài thơ đã được dịch ra tiếng Pháp làm cho kẻ thù ăn không ngon ngủ không yên một thời. *Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?* là một câu hỏi tu từ không cần trả lời mà người đọc vẫn tìm ra kẻ *công rắn cắn gà nhà*, *rước voi dầy má tổ* chính là Nguyễn Ánh và triều đình nhà Nguyễn tham sống sợ chết. Phái chủ hòa chiếm số đông trong triều do Tôn Thọ Tường cầm đầu, cùng với vua Tự Đức luôn luôn sợ sức mạnh của giặc ngoại xâm đang từng bước xâm chiếm đất nước .

Ông cũng đã thấy và nêu rõ vận mệnh của cả dân tộc đang chơ vơ bên bờ vực:

*“Non nước hãy còn đương bấy bá,
Đất trời sao nữ khiến lay vay”*

(Ngọa bệnh ngâm thơ)

Là một người làm quan trong xã hội phong kiến, nhưng Ông thể hiện sự chính trực thanh liêm, đã không vì vinh lợi mà xu nịnh, a dua theo đám tham quan nhà Nguyễn bóc lột trên xương máu dân nghèo, Ông đã sớm nhận ra số lớn quan lại chỉ là “lục lục thường tài cũng một mồi”; chúng luôn chực chờ thâu tóm lợi riêng, không mấy ai đáng mặt là rường cột của nước nhà:

*“Đành cột không nên rường chẳng hạp,
Phải con nước lụt dấn thân bừa”*

(Tác phẩm Cây dừa)

Hoặc:

*“Rường soi cột trở chưa nên mặt,
Cao lớn làm chi bản hời bản!”*

(Tác phẩm Cây bản)

Thể hiện sự thương dân hiền và phận nước trong bối cảnh xã hội phong kiến suy tàn, cảm thán phận quan thanh liêm chính trực. Tính cương trực, thanh liêm của Ông đã không được chế độ phong kiến suy tàn thừa nhận, mà bị bung bít bởi nhiều lớp rào của những đầu óc hủ lậu, tham ô quan lại, cường hào ác bá giang mắc mọi nơi dày đặc, đến nỗi những trí thức lớn, có tên tuổi và vị trí quan trọng trong xã hội, được nhân dân yêu mến như Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, cũng đành bất lực.

*“Mịt mịt mây đen kéo tối sầm
Đau lòng thuở nợ chôn Hà Âm
Đống xương vô định sưng phau trắng
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy,*

Đèn trời leo lét dậm u lâm

Nghĩ thương con tạo sao dòi dòi

Dắng dỏi(vang động) đêm trường tiếng dế ngâm”.

(Qua Hà Âm cảm tác)

Thương nước, yêu dân, sống có tình, có nghĩa, coi trọng đạo đức và nhân phẩm, cho dù bị giá họa, bị đẩy vào ngõ cụt trong vụ án Láng Thè, toàn bộ sự nghiệp của Ông đã tan tác, nhưng Ông vẫn an nhiên với một tấm lòng “ uy vũ bất năng khuất”. Ông là một viên quan cương trực, thương dân nghèo, bênh vực người hiền lành nên bị bọn quan lại biến chất trù dập. Là một nhà thơ yêu nước, ông đã dùng ngòi bút của mình mượn đề tài vịnh vật, vịnh sử để phê phán bọn bán nước, bọn xôi thịt và gửi gắm nỗi lòng mình.

“Nhượng chãng là nhượng kẻ cày voi

Lục tục thường tài cũng một môi,

Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt,

Âm thầm vì trống lếp hơi còi,

Kìa câu ích kỷ kinh còn tạc

Nọ kẻ khi nhân thánh hỡi coi.

Lấn thân hết suy rồi đến thối

Ngày qua, tháng lại bước đường thối”.

(Bị giam ở Vĩnh Long)

Và cả ngay khi nằm trên giường bệnh, Ông cũng luôn trần trở với mệnh nước sa vào tay giặc ngoại xâm:

Ngàn vàng khôn dẽ sánh mình này

*Sanh có ngày âu thác có ngày
Non nước hãy còn đang bầy bá
Đất trời sao nữ khiến lay vay...*

(Ngâm thơ trên giường bệnh)

Hoặc là bản khoản về tuổi cao sức yếu trước vận mệnh đất nước nguy nan:

*“Chợt tới gương soi thấy râu thêm bạc
Dạo xem vườn hoa, mặt thấy ánh vẽ hồng
Mong được non sông nguyên vẹn cũ
Giữa đất trời say khướt một thi ông”*

Và rồi Ông tin tưởng mãnh liệt đến ngày đất nước thoát khỏi tay giặc ngoại lang xâm chiếm:

*“Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây
Đâu để giang sơn đến nỗi này?”*

(Tác phẩm Thời cuộc)

Tên tuổi của ông Bùi Hữu Nghĩa tồn tại song song với danh phận của người phụ nữ bà Nguyễn Thị Tồn. Bà xứng đáng là người con của xứ hào khí Đồng Nai. Trong sự kiện ở rạch Láng Thè, bọn quan trên ghép tội ông Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt giam rồi giải ông về Gia Định chờ xử tử. Bà Tồn thấy chồng bị oan ức liền từ Trà Vang lên Mỹ Tho rồi quá giang ghe bầu ra Huế để kêu oan cho chồng. Tại kinh thành Huế, bà gặp được Thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản để bày tỏ nỗi oan của chồng và được giúp đỡ. Vị minh quan viết tờ trạng và chỉ vẽ cho bà cách trình tấu nơi công đường.

Canh năm, bà Nguyễn Thị Tồn tới Tam pháp ty mạnh dạn đánh ba hồi trống làm kinh động nơi Tam cung lục viện. Vua Tự Đức cho đòi người đánh trống vào châu. Đứng trước mặt vua và quan triều đình, bà biện bạch nỗi oan khiên của chồng đang gánh chịu. Vua Tự Đức nghe xong, giao cho Bộ Hình xem xét. Sau khi thẩm định minh bạch, nhà vua chung thẩm bản án: “tha cho ông Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình nhưng phải quân tiền hiệu lực, đoái công chuộc tội”.

Sau đó, bà Nguyễn Thị Tồn được vua Tự Đức ban Vông điều có bốn lạng, nơi đầu vông có gông nhỏ sơn son, ngầm ý khen bà là người trung trinh, gan dạ song cũng thảm trách bà đã làm kinh động đế đô. Hoàng thái hậu Từ Dũ nghe tin, cho bà vào gặp mặt. Cảm kích trước một người phụ nữ dân dã từ xứ Đồng Nai không từ nan vạn dặm lặn lội đến chốn kinh thành minh oan cho chồng, Thái hậu đã ban tặng bà Tồn tám biển chạm 4 chữ vàng **Tiết phụ khả gia**. Sau đó bà mất tại quê hương mình là thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không những là người chiến sĩ hết lòng vì dân vì nước, mà còn là một người chồng rất mực thủy chung, người cha thương yêu con vô hạn. Ông đã thể hiện tình cảm yêu thương của mình dành cho người vợ quá cố qua một số tác phẩm điển hình:



Ảnh: Cặp đôi chữ Hán dành cho vợ bên bàn thờ Bùi Hữu Nghĩa trong đình Bình Thủy - Cần Thơ

Cặp đối chữ Hán:

*“Ngã bần, khanh năng trợ; ngã oan khanh năng minh, triều dã
giai xưng khanh thị phụ*

*Khanh bệnh, ngã bất dược; khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng
tiểu ngã phi phụ”.*

Dịch:

*Ta nghèo, mình hay giúp đỡ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều
ngoài quận đều khen mình mới thật là vợ*

*Mình bệnh, ta không thuốc thang; mình chết, ta không chôn cất;
non sông cười ta chẳng xứng gọi là chồng.*

Cặp đối chữ Nôm :

“Đất chẳng phải chồng, bao nữ thịt xương gởi đó,

Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng”

Bài văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa chẳng những nói rõ được khúc nôi của mình mà còn làm sáng danh một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội, được người đời ca tụng.

Trích văn tế khóc vợ :

*“Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giếng mối, khi
túng thiếu manh quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ*

*Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thềm
miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà tỏ thê”.*

Hay:

*“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen
mình đáng vợ. Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng,
non sông cười phận tớ làm chồng”*

Và một bài thơ:

*“Đã chồng ba năm mới đặng thăm,
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm
Gió đưa, đâu thấy hình dương liễu,
Đêm vắng, ai hoài tiếng sắc cầm.
Chồng nhớ vợ, lòng tơ bối rối,
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm .
Có linh chín suối đừng xao lãng,
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm ”...*

Đề mô nhà vợ

Hay trích đoạn văn tế khóc vợ:

*“ Con chín tuổi thơ ngây, một bóng em bao đành nhắm mắt tâm
tiên .Chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỗi sắp lưng cỡi
hạc ... Đêm khuya hãy nâng niu một trẻ, nghĩ từ con ruột tợ kim
châm .Ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từng chặng gan đường
muối xót”.*”

Ngược theo dòng sử sách, tìm hiểu về thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được mệnh danh là anh hùng tứ kiệt hay một trong bốn Rồng vàng của Nam Bộ, có lẽ không ai không khỏi xúc động về một nhân tài tài đức nhưng cuộc đời đầy nổi chuan chuyên. Đến nay, đã hơn một thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vàng hào quang chói lọi đối với các thế hệ noi theo. Cuộc đời của Ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước,

thương dân; về đức tính thanh liêm, chánh trực; về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền. Ông có những quan điểm tiến bộ vượt lên khuôn khổ nho giáo phong kiến đương thời về quần chúng nhân dân, dân tộc, phụ nữ... Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa là vũ khí đấu tranh chống bè lũ bán nước và thực dân xâm lược, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thể hiện lòng yêu nước thương dân tha thiết. Ông còn là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng cho các thế hệ noi theo.

Với đạo đức, tài năng và công lao như vậy, Ông Bùi Hữu Nghĩa xứng đáng là Nhà yêu nước thời cận đại, nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ 19, là một danh nhân văn hóa của đất nước, đúng như câu ca dao vẫn được truyền tụng trong nhân dân:

“Đồng Nai có bốn rông vàng.

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi”

Hay:

“Vĩnh Long có cặp rông vàng

Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thần”

Cho đến nay các ông *Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn* là những ai thì ít người biết và chưa xác định được quê quán, tài năng của họ ra sao. Còn “*Nghĩa thi*” chính hẳn là Ông Bùi Hữu Nghĩa - con *Rông vàng* của đất Đồng Nai - Vĩnh Long, là rông vàng trong lòng nhân dân Nam Bộ. Còn Phan Tuấn Thần là ông Phan Thanh Giản, là người đầu tiên đỗ Tiến sĩ ở Nam Bộ, có tài thơ và có học vị cao nhất cũng phải xếp sau ông Bùi Hữu Nghĩa. Qua hai câu ca dao trên khẳng định cho ta thấy danh hiệu *Rông vàng* mà nhân dân phong tặng cho Ông thật cao quý và xứng đáng.

4. Tri ân của thế hệ sau đối với nhà thơ yêu nước Bùi Hữu Nghĩa:

Tọa lạc tại phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy của thành phố Cần Thơ, Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được xem là một trong những công trình mang ý nghĩa lịch sử được xây dựng rất quy mô ở thành phố Cần Thơ, đã được công nhận là di tích lịch sử quốc gia vào năm 1994 và đến ngày 19 tháng 10 năm 2011 bằng di tích được cấp lại và đổi tên là Di tích quốc gia.



Ảnh: Khu Di tích tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Cần Thơ

Phần mộ của Ông được xây dựng năm 1872 bằng đá ong tại quận Bình Thủy - Thành phố Cần Thơ, từ năm 1872 đến nay đã được trùng tu bốn lần, bất chấp sự dòm ngó của kẻ thù trong thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1942, 1964, 1975, 1987). Cổng vào của khu tưởng niệm được xây dựng theo kiểu cổng tam quan mái cong, trạm trổ tinh tế, cổng chính nổi bật với 2 tầng mái màu xanh rêu. Bên trong khu tưởng niệm có khuôn viên vườn rộng thoáng mát, đầy cây

xanh, có nhà thờ, nhà trưng bày, nhà bia tưởng niệm, nhà khách và một số công trình phụ khác để phục vụ du khách xa gần đến tham quan kính viếng. Trong khu tưởng niệm còn có bài vị thờ vợ chồng ông Bùi Hữu Nghĩa. Đến thăm Khu tưởng niệm Bùi Hữu Nghĩa ở Cần Thơ, có dịp xem lại một hành trình dài mà ông đã đi qua, giúp tác giả cảm nhận và hiểu biết sâu sắc về ông hơn, thêm cảm phục một con người tài đức, nhân hậu và liêm khiết. Sự liêm khiết tài đức của ông đã làm ông phải tam phen tứ phen gặp nạn vì bị đố kỵ và ganh ghét, thế nhưng cũng chính tài đức đó trở thành món quà vô giá cho đời.



Ảnh: Mộ của Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Cần Thơ

Tại xã Nhị Long - Càng Long tỉnh Trà Vinh, nhân dân ở đây cũng đã lập Đình Long Thạnh để thờ phụng Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Rất nhiều địa phương đã lấy tên Ông để đặt tên cho các trường học, đường phố, tỏ lòng tri ân tấm gương TRUNG NGHĨA - một con rồng vàng của đất Nam bộ, như ở Thành phố Đà Nẵng (đặt tên đường), Thành phố Hồ Chí Minh (đặt tên đường), Thành phố Cần Thơ (đặt tên phường, đặt tên trường PTTH, đặt tên trường mầm non), Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang (đặt tên trường THCS).



Ảnh: Đường Bùi Hữu Nghĩa tại TP. Biên Hoà

Riêng ở Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai, chính quyền và nhân dân đã lấy tên Ông để đặt tên cho con đường Tỉnh lộ 16 - đoạn từ cầu Tân Vạn đến ngã cầu Ông Tiếp, Đường Bùi Hữu Nghĩa (còn gọi là đường 760) nối quốc lộ 1A đi qua các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, xã Hóa An và

xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) được xem là con đường huyết mạch của thành phố Biên Hòa; đồng thời cũng đặt tên cho một ngôi trường trung học cơ sở tại Phường Hồ Nai. Đặc biệt, để tỏ lòng kính trọng tấm gương “Liệt phụ khả gia” của Bà Nguyễn Thị Tồn, chính quyền và nhân dân thành phố Biên Hòa cũng đặt tên Bà Nguyễn Thị Tồn làm tên một con đường tại phường Bửu Hòa (đường Nguyễn Thị Tồn bắt ngang đường Bùi Hữu Nghĩa).

5. Cảm nhận của tác giả về nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu, nghiên cứu tham khảo tài liệu, đi thực tế tham quan để có tư liệu viết bài dự thi này, tác giả đã có một số suy nghĩ và cảm nhận sâu sắc về nhân vật như sau:

5.1 Cảm nhận sâu sắc của tác giả đối với nhân vật Bùi Hữu Nghĩa:

Về tấm gương hiếu học: Sinh ra trong một gia đình nghèo sống bằng nghề chài lưới nhưng Bùi Hữu Nghĩa được may mắn là được thân sinh cho đi học. Có tư chất thông minh và ham học bản tính hiền lành, nên ông không chỉ được cha mẹ mà cả bà con xóm làng đều thương yêu, quý mến và ông đã đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu/thủ khoa) năm 28 tuổi.

Ông có bản tánh thanh liêm, chánh trực lại thông minh và thương người. Tuy làm quan lớn, nhưng Bùi Hữu Nghĩa luôn giữ mình thanh liêm, chính trực. Nhiều lần xử kiện, ông luôn giữ thái độ công chính liêm minh, bênh vực quyền lợi chính đáng của người nghèo, ông đã mắng kẻ hối lộ, nghiêm trị kẻ gian thần, nên nhiều lần ông bị kẻ gian hãm hại.

Tình nghĩa vợ chồng: Câu chuyện huyền sử nghĩa vợ tình chồng, thủy chung son sắt của Bùi Hữu Nghĩa - Nguyễn Thị Tồn đã được đi vào văn học, nghệ thuật. Câu chuyện bà Trần Thị Tồn, vợ của danh sĩ Bùi Hữu Nghĩa, vượt gian lao để minh oan cho chồng. Cổ nhà văn - soạn giả Ngọc Linh



Ảnh: Bà Nguyễn Thị Tồn kêu oan tại kinh thành Huế

đã viết thành tuồng cải lương kinh điển "*Muôn dặm vì chồng*" đã lấy biết bao giọt nước mắt của khán giả mộ điệu cải lương vào những năm 1990. Nhân vật Nguyễn Thị Tồn trở thành một tấm gương điển hình cho đức tính trung hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Đã hơn một thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vầng hào quang chói lọi đối với các thế hệ noi theo. Cuộc đời của ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân; về đức tính thanh liêm, chánh trực; về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền. Ông có những quan điểm tiên bộ vượt lên khuôn khổ nho giáo phong kiến đương thời về quần chúng nhân dân, dân tộc, phụ nữ... Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa là vũ khí đấu tranh chống bè lũ bán nước và thực dân xâm lược, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thể hiện lòng yêu nước thương

dân tha thiết. Ông còn là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng cho các thế hệ noi theo. Với đạo đức, tài năng và công lao như vậy, Bùi Hữu Nghĩa xứng đáng là Nhà yêu nước thời cận đại, nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ 19, là một danh nhân văn hóa của đất nước, đúng như câu ca dao vẫn được truyền tụng trong nhân dân:

Đồng Nai có bốn rông vàng.

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi..

5.2 Học tập và noi theo tấm gương danh nhân văn hóa Bùi Hữu Nghĩa:

Đối với cá nhân tác giả là một cán bộ, đảng viên công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ với chuyên môn nghiệp vụ của mình là công tác quản lý tài chính, cá nhân tác giả luôn tâm nhiệm và hành động theo phương châm:

Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại cho dân, phải hết sức tránh. Trong khi thi hành công vụ, tác giả suy nghĩ và hành động theo đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Đối với những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra mà chính sách và pháp luật có sự bất cập, ý kiến nhìn nhận khác nhau, người cán bộ chân chính cần đặt ra và có câu trả lời đúng đắn cho câu hỏi: Lợi ích của dân trong vấn đề này là gì và làm thế nào để mang lại lợi ích cho dân nhất? Khi các phương án được đưa ra khác nhau, tiêu chuẩn để lựa chọn là phương án nào được sự đồng thuận của đông đảo nhân dân hơn cả, đem lại nhiều lợi ích cho dân nhất và phương án đó không trái đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Luôn thực hành cần, kiệm, liêm, chính. Cần là cần mẫn, tận tâm, hăng hái trong mọi công việc, kiên trì thực hiện cho được kế hoạch công tác, không vì khó khăn mà bỏ dở công việc. Kiệm là luôn chú ý tiết kiệm cả sức lực, tiền của của dân; tài chính và vật chất của Nhà nước; thời gian làm việc của bản thân. Liêm là

“Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình” .Chính là chính trực; nói và làm chính danh, không lộng quyền, lạm quyền, bảo vệ cái đúng, mạnh dạn đổi mới, đấu tranh với cái xấu...

Bản thân luôn học tập, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực để có cống hiến cao nhất cho nhân dân. Muốn vậy, chính bản thân không nên tự thỏa mãn với trình độ và kinh nghiệm đã có; phải ham học tập, ham tìm hiểu để mở rộng tầm hiểu biết, thành thạo một việc và biết nhiều việc, không ngừng nâng cao năng lực công tác, hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Phải yêu dân, tin dân, trọng dân, gần dân, học dân. Có yêu dân, cán bộ mới hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Có tin dân, cán bộ mới tìm mọi cách phát huy sức mạnh trí lực, nhân lực và tài lực của nhân dân. Phải luôn khiêm tốn, thật lòng nhớ rằng mọi thành công của mình đều là nhờ công sức của nhân dân, của tập thể, nếu tách rời nhân dân thì cán bộ không tài nào lập được công trạng.

Bản thân luôn nghiêm túc và thường xuyên thực hành tự phê bình và phê bình. Là cán bộ phụ trách công tác tài chính của ngành khoa học và công nghệ , phải năng nổ, dám nghĩ, dám làm, mặc dù khó tránh khỏi có sai sót, khuyết điểm. Nhưng tự bản thân phải biết nghiêm khắc với thiếu sót, khuyết điểm của mình, bản thân phải làm gương trước cho cấp dưới trong tự phê bình, thẳng thắn nhận khuyết điểm và sửa chữa sẽ thúc đẩy phê bình trong tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị mà mình công tác.

Đối với gia đình của mình: Theo tác giả gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới và theo quan niệm truyền thống, xây dựng văn hóa gia đình trên nền tảng đạo đức bao gồm đạo hiếu, đạo nghĩa như đạo mẫu tử, cha con, chồng vợ, anh, em; cách cư xử với ông bà, cha mẹ, với xóm làng.

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập của xu thế toàn cầu hóa, bên cạnh những tác động tích cực, ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường cùng sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Internet... đã đặt chúng ta trước một thử thách đó là nền tảng gia đình Việt Nam truyền thống phần nào bị mai một. Nhiều người trong lớp trẻ ngày nay không còn giữ được đạo lý truyền thống, chạy theo lối sống ích kỷ, đề cao giá trị vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần...

Bản thân tác giả nhận thức rằng: Mỗi thành viên trong gia đình của mình phải phát huy tốt những giá trị đạo đức của gia đình truyền thống, giữ vững gia phong, làm tốt việc giáo dục con cái không chỉ dừng lại ở các chương, điều trong sách vở mà quan trọng là phải giáo dục bằng chiều sâu lịch sử, những truyền thống đấu tranh giải phóng của ông cha ta, bằng những tấm gương yêu nước, hiếu học tiêu biểu, những anh hùng, liệt sĩ hy sinh ..qua đó giáo dục cho con em về tình yêu quê hương đất nước, ý thức phấn đấu học tập, đức hy sinh, lòng vị tha và nhân ái, trong đó người lớn phải luôn luôn gương mẫu là tấm gương để con trẻ noi theo, có lối sống lành mạnh, ứng xử văn minh phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và xu thế phát triển của thời đại. Hãy trân trọng và giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp mà ông cha ta để lại

5.3 Đóng góp ý kiến đối với các ngành các cấp:

5.3.1 Chương trình giáo dục trong nhà trường:

Cần phải đưa lịch sử, văn hóa địa phương vào lồng ghép trong một số môn học. Mục tiêu chính là nâng cao nhận thức về ý nghĩa di sản văn hóa, lịch sử đối với học sinh, thanh niên, sinh viên. Các hoạt động giáo dục di sản văn hóa rất phù hợp với tâm lý lứa tuổi các em, bởi vì ở tuổi trẻ có tính cách là ham tìm tòi, khám phá, trải nghiệm sẽ làm tăng thêm vốn hiểu biết của thế hệ trẻ về lịch sử, văn hóa, xã hội, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống của quê hương.

5.3.2 Công tác bảo tồn, trưng bày hiện vật văn hóa lịch sử:

Cần phải thay đổi tư duy, đặc biệt là đối với ngành bảo tàng của tỉnh. Theo hướng chú trọng phục vụ thế hệ trẻ, phục vụ công chúng ngày càng tốt hơn. Dù có nhiều cách hiểu khác nhau, nhưng bảo tàng có hai chức năng cơ bản: là chức năng nghiên cứu khoa học và chức năng giáo dục khoa học. Đối với thế hệ trẻ, với các tài liệu, hiện vật có giá trị bảo tàng tạo cơ hội cho họ nhận thức về quá khứ, lịch sử - văn hóa... nâng cao ý thức tôn trọng và bảo vệ di sản văn hóa dân tộc cho cộng đồng.

Trước đây vào tham quan một bảo tàng học sinh, sinh viên sẽ được hướng dẫn bởi một nhân viên, người này thuyết minh cho người nghe về một vấn đề, sự kiện, nhân vật nào đó mà bảo tàng đang trưng bày hiện vật, hình ảnh, tài liệu liên quan. Với phương pháp này, các bảo tàng chủ yếu thuyết minh cho các đoàn tham quan và ít có sự trao đổi giữa người nói và người nghe. Như vậy, việc tiếp nhận một chiều không tạo ra được một môi trường giáo dục đúng nghĩa đối với thế hệ trẻ. Điều này dễ gây ra sự nhàm chán, cũng khiến cho nhà trường ít gắn với bảo tàng vì ít thấy hiệu quả của mỗi chuyến tham quan, ít thấy lợi ích của việc tham quan bảo tàng đối với các chương trình lịch sử, văn hóa.

Trong thời kỳ hiện nay, thế hệ trẻ có nhu cầu được giao tiếp, được đối thoại... Nhu cầu đó đòi hỏi các cán bộ làm công tác ở bảo tàng phải đổi mới phương pháp tiếp cận, phải năng động hơn, tìm tòi và tổ chức nhiều hoạt động hơn để thu hút họ. Tức là thay đổi cách thức hoạt động để bảo tàng có thể có nhiều hoạt động mang tính đa dạng và chất lượng cao hơn nhằm thu hút khách đến với mình và đóng góp nhiều hơn cho xã hội

Nhà trường có thể kết hợp với bảo tàng để tổ chức tham quan cho học sinh, sinh viên. Nếu nhà trường là nơi tiếp nhận kiến thức giáo khoa, bảo tàng sẽ tạo thêm nhiều cơ hội khác nhau để các em trải nghiệm, khẳng định lại những gì đã

học và học thêm những kiến thức mà từ sách vở, thầy cô giáo không có. Hoặc học sinh tiếp nhận sự kiện lịch sử qua lời kể của giáo viên trên lớp không thể cuốn hút bằng việc nhìn thấy những hình ảnh của sự kiện, con người qua bảo tàng.

Bảo tàng tỉnh cần có cách thu hút học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức như: chiếu phim, các buổi trình diễn, vẽ, sưu tầm hiện vật. Cán bộ bảo tàng có thể tham khảo cách làm thành công ở một số quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, cần đầu tư để thực hiện một website chất lượng, tạo ra một không gian lưu trữ văn hóa, lịch sử phong phú nhiều màu sắc để người dân trong tỉnh, học sinh, sinh viên, giáo viên hay người nghiên cứu bên ngoài muốn tìm hiểu về lịch sử, văn hóa có thể tìm kiếm được những thông tin hữu ích.

Chương trình hoạt động của đội, đoàn thanh niên: Đội Thiếu niên Tiền phong, Đoàn Thanh niên, sẽ là lực lượng đi đầu trong việc đưa đội viên, đoàn viên đến với văn hóa, lịch sử của tỉnh. Thông qua các chương trình thi tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của nhân dân. Để làm được điều đó, cần có kế hoạch tổ chức một cuộc thi, mà đối tượng tham gia không bắt buộc, nhưng khuyến khích tất cả mọi người cùng tham gia.

5.3.3 Kết hợp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá cho phát triển du lịch tỉnh nhà:

Đối với các di tích lịch sử tại tỉnh Đồng Nai: di tích của tỉnh Đồng Nai ngày càng nhiều, phần lớn các di tích có thời gian tồn tại khá lâu dài đã có nguy cơ xuống cấp như di tích chùa Bửu Phong, đình Tân Lâm, Mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, Thành Biên Hòa, nhà lao Tân Hiệp... Phải xác định rõ quan điểm phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các di tích là luôn gắn công tác bảo tồn tính đa dạng, gìn giữ các giá trị di tích lịch sử văn hoá với việc khai thác phục vụ du lịch; hay nói cách khác phát triển du lịch vì mục tiêu văn hoá; đồng thời, việc bảo vệ tôn tạo di tích phải hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn các đối tượng đến tham

quan nghiên cứu, trong đó có khách du lịch. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, phát triển mạnh các hình thức xã hội hóa theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự chủ về tài chính vào các hoạt động bảo tồn di tích, phục hồi các giá trị văn hoá truyền thống và phát triển du lịch văn hoá là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài của các cơ quan chức năng.

5.3.4 Thiết tạo lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc của tỉnh Đồng Nai:

Việc tri ân những danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và nhân dân. Do đó, việc thiết tạo lập các công trình văn hoá để tri ân các danh nhân văn hoá, nhân vật lịch sử của dân tộc là một trong các hình thức để tưởng nhớ tri ân vừa là hình thức giáo dục mọi người dân hiểu biết nhiều hơn về lịch sử dân tộc, hun đúc thêm tinh thần yêu nước và tự tôn dân tộc.

5.3.5. Tổ chức in ấn và phát hành các ấn phẩm về danh nhân của địa phương:

Tạo ra những sản phẩm văn hóa hoàn chỉnh, có giá trị về tư tưởng, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ, thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu thưởng thức văn hóa - tinh thần của công chúng trong toàn xã hội và thuyết phục được cộng đồng địa phương cũng như nhân dân trong nước và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo Định Giang. Bùi Hữu Nghĩa - con người và tác phẩm. NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1988.
2. Cao Xuân Dục. Quốc triều hương khoa lục. NXB Lao Động & Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2011.
3. Nguyễn Văn Hào. Văn học miền Nam Lục Tỉnh, tập II: Văn học Hán Nôm thời khai mở & xây dựng đất mới. NXB Trẻ, 2012.
4. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập IV. NXB Thuận Hóa, 2005.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập IV. NXB Giáo Dục, 2007.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập VI. NXB Giáo Dục, 2007.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập VII. NXB Giáo Dục, 2007.